

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thảo

Mã SV: 1412401369

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội sử dụng số liệu năm 2017.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 06 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 08 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thảo

ThS. Đồng Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Đồng Thị Nga

Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thảo Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và có tinh thần học hỏi
Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ quy định.

Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Chương 1: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể. Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 2 |
| 1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. | 2 |
| 1.1.1 Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... | 2 |
| 1.1.2.1 Doanh thu | 2 |
| 1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ..... | 12 |
| 1.2.1. Khái niệm về chi phí..... | 12 |
| 1.2.2. Kế toán chi phí. | 13 |
| 1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh | 25 |
| 1.3.1. Khái niệm | 25 |
| 1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh..... | 25 |
| 1.3.3. Chứng từ sử dụng. | 26 |
| 1.3.4. Tài khoản sử dụng. | 26 |
| 1.3.5. Sơ đồ hạch toán. | 27 |
| 1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 27 |
| 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. | 27 |
| 1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái..... | 30 |
| 1.4.3. Hình thức Chứng từ - Ghi sổ. | 31 |
| 1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính | 32 |
| 1.5. Một số khác biệt trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 so với Quyết định 48/2006/QĐ-BTC | 32 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI | 34 |
| 2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội | 35 |
| 2.1.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội | 35 |

| | |
|---|-----------|
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty..... | 36 |
| 2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động. | 36 |
| 2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty..... | 36 |
| 2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty Cổ phần Cyan Hà Nội | |
| 2.1.5.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán..... | 38 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Cyan Hà Nội | 41 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội..... | 41 |
| 2.2.2 : Kế toán chi phí quản lý kinh doanh | 46 |
| 2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính | 52 |
| 2.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội | 59 |
| 2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 64 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI..... | 76 |
| 3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội. | 76 |
| 3.1.1. Ưu điểm của công ty..... | 76 |
| 3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội..... | 77 |
| 3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội | 77 |
| 3.2.1. Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán..... | 77 |
| 3.2.2. Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên hiện đại hóa công tác kế toán | 79 |
| 3.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại công ty..... | 81 |
| 3.2.4. Giải pháp 5: Cập nhật hệ thống các sổ sách và chứng từ..... | 85 |
| KẾT LUẬN | 91 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 92 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là: “Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thu có đủ để trang trải chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận?”. Để có thể tồn tại và phát triển thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư và các tổ chức tài chính,... Các thông tin này được kê toán trong công ty tập hợp và phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong quá trình quản lý, điều hành và phát triển công ty. Nhận thức được vấn đề quan trọng trên, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội em đã đi sâu và nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội”.

Khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô khoa kế toán - kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là Th.s Đồng Thị Nga đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ.*****1.1.1 Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

Doanh thu bán hàng và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền bán hàng gồm tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ,... thu được. Còn kết quả kinh doanh thể hiện cái mà doanh nghiệp đã thu được sau khi đã trừ các chi phí đã bỏ ra. Như vậy để tăng được lợi nhuận thì ngoài việc tăng doanh thu thì doanh nghiệp cũng phải tiết kiệm được chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Để phản ánh được đầy đủ doanh thu, xác định kết quả kinh doanh một doanh nghiệp chính xác thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh rất quan trọng.

- *Đối với doanh nghiệp:* Việc tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định và phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- *Đối với nhà đầu tư:* Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Đối với tổ chức trung gian tài chính:* Đối với các ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đưa ra quyết định cấp vốn vay cho doanh nghiệp.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***1.1.2.1 Doanh thu***

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động bất thường.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch như bán hàng hoá...bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu còn bao gồm các khoản trợ giá, phụ thu theo quy định của nhà nước đối với một số hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ được nhà nước cho phép và giá trị của các sản phẩm hàng hoá đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty hay tổng công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- *Tiền lãi*: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm; trả góp; lãi đầu tư trái phiếu....

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...) cổ tức, lợi nhuận được chia..

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

Doanh thu từ các hoạt động bất thường là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như: thu từ việc bán vật tư hàng hóa, tài sản dôi thừa, công cụ dụng cụ đã phân bổ hết...các khoản phải trả nhưng không cần trả, các khoản thu từ việc chuyển nhượng thanh lý tài sản, nợ khó đòi đã xoá nay thu hồi được, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho...

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.

- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).

- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Nguyên tắc kế toán doanh thu

• Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

- Một hợp đồng kinh tế có thể bao gồm nhiều giao dịch. Kế toán phải nhận biết các giao dịch để áp dụng các điều kiện ghi nhận doanh thu phù hợp.

- Doanh thu phải được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn là hình thức hoặc tên gọi của giao dịch và phải được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với các giao dịch làm phát sinh nghĩa vụ của người bán ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, doanh thu phải được phân bổ theo giá trị hợp lý của từng nghĩa vụ và được ghi nhận khi nghĩa vụ đã được thực hiện.

• Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế. Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa. Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba.
- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu (Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK5118 – Doanh thu khác.

- *Kết cấu tài khoản*

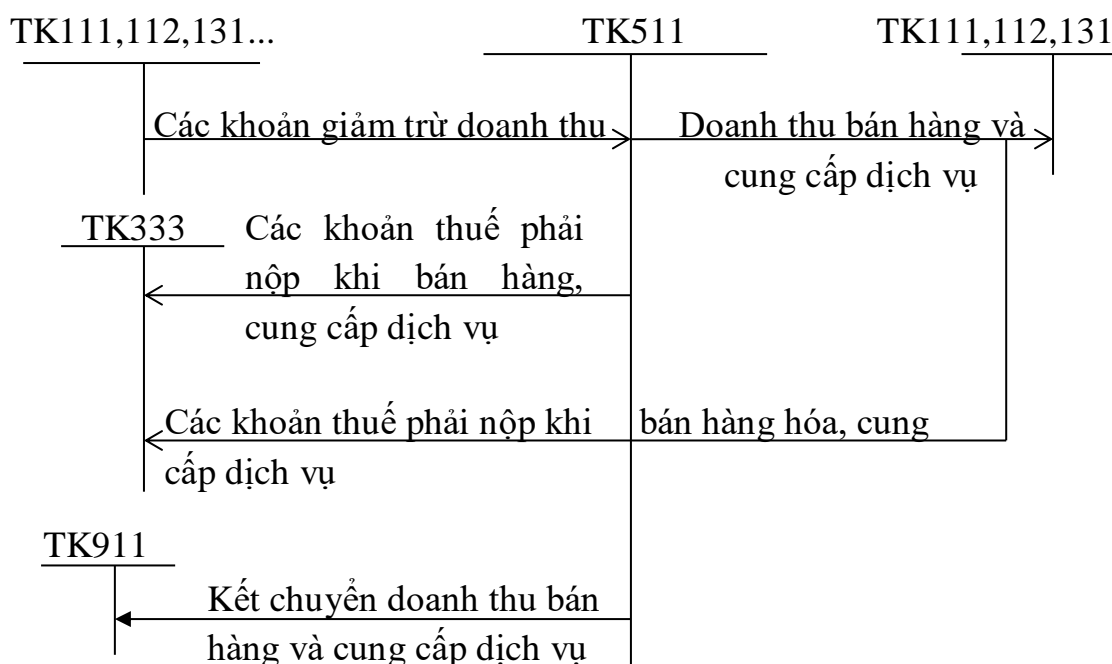
| Nợ | TK 511 | Có |
|--|--------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” | | <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

• *Chứng từ sử dụng:*

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán như sau:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng, séc thanh toán...
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

• *Sơ đồ hạch toán:*



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• **Cách hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính**

Doanh nghiệp chiết khấu thương mại cho khách hàng:

- Nợ TK 511: phần chiết khấu cho khách hàng chưa thuế GTGT
- Nợ TK 333: phần thuế GTGT trên giá hàng chiết khấu cho khách
- Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị chiết khấu cho khách

Doanh nghiệp giảm giá hàng bán cho khách hàng:

- Nợ TK 511: giá trị giảm giá hàng bán cho khách hàng chưa thuế GTGT
- Nợ TK 333: phần thuế GTGT trên giá trị giảm giá hàng bán
- Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị giảm giá hàng bán

- Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại là giá đã giảm trừ trên hóa đơn (giá bán là giá đã giảm, trừ- doanh thu thuần) thì không phải ghi nợ vào tài khoản 511.

Doanh nghiệp chấp nhận lại hàng đã bán:

Nợ TK 511: giá trị hàng bán bị trả lại chưa thuế GTGT

Nợ TK 333: phần thuế GTGT của số hàng đã bán bị trả lại

Có TK 111,112, 131...: tổng giá trị hàng bán bị trả lại

- Chỉ khi các khoản giảm trừ chưa thể hiện giảm giá trên hóa đơn (xuất riêng hóa đơn giảm giá), hàng bán bị trả lại thì mới được ghi giảm doanh thu bán hàng (ghi nợ TK 511).

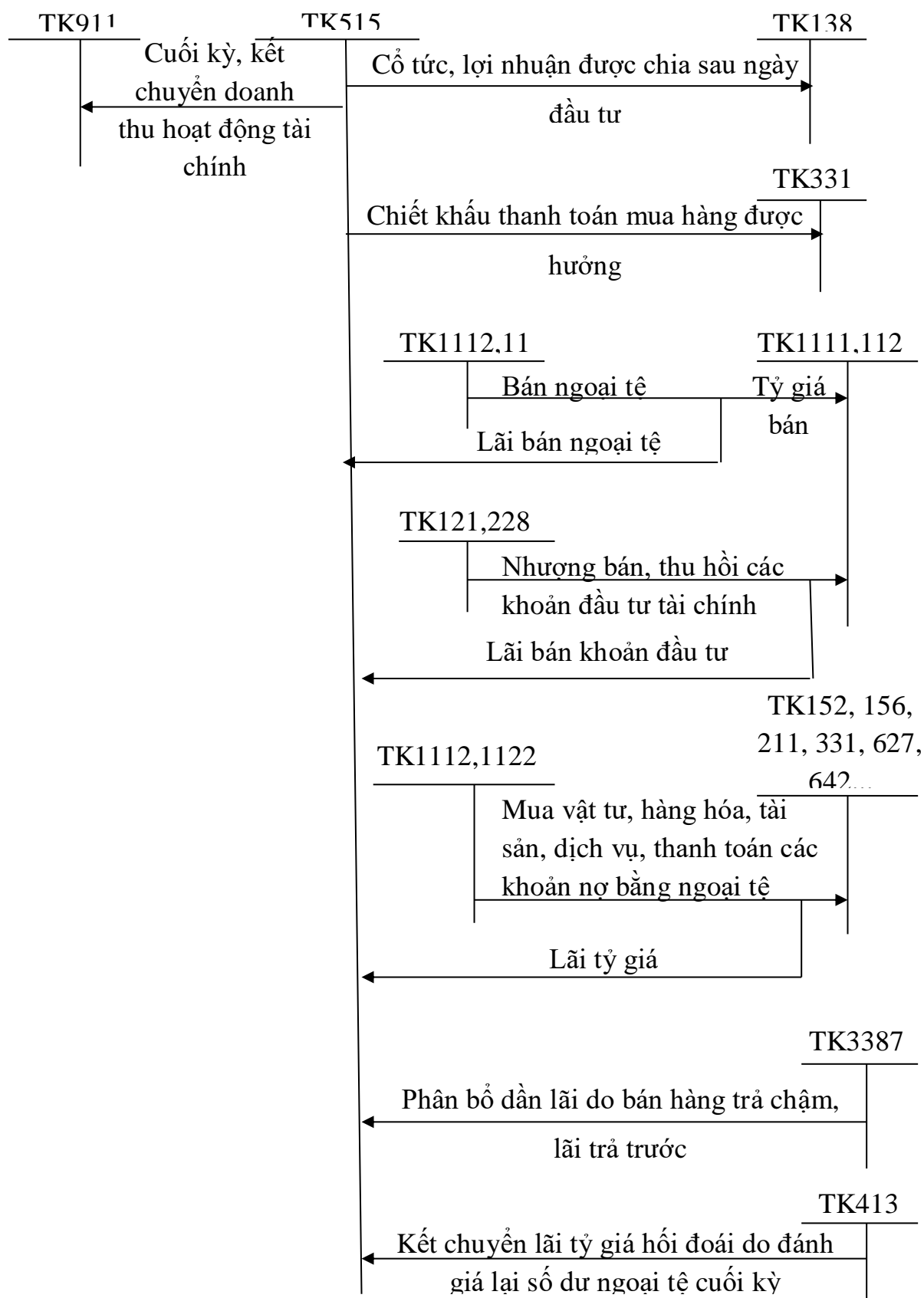
1.1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

- *Tài khoản sử dụng:* Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- *Kết cấu tài khoản*

| Nợ | TK 515 | Có |
|---|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh” | <ul style="list-style-type: none"> • Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

- *Chứng từ sử dụng:*
 - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng.
 - Bản sao kê của ngân hàng.
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác.

• Sơ đồ hạch toán



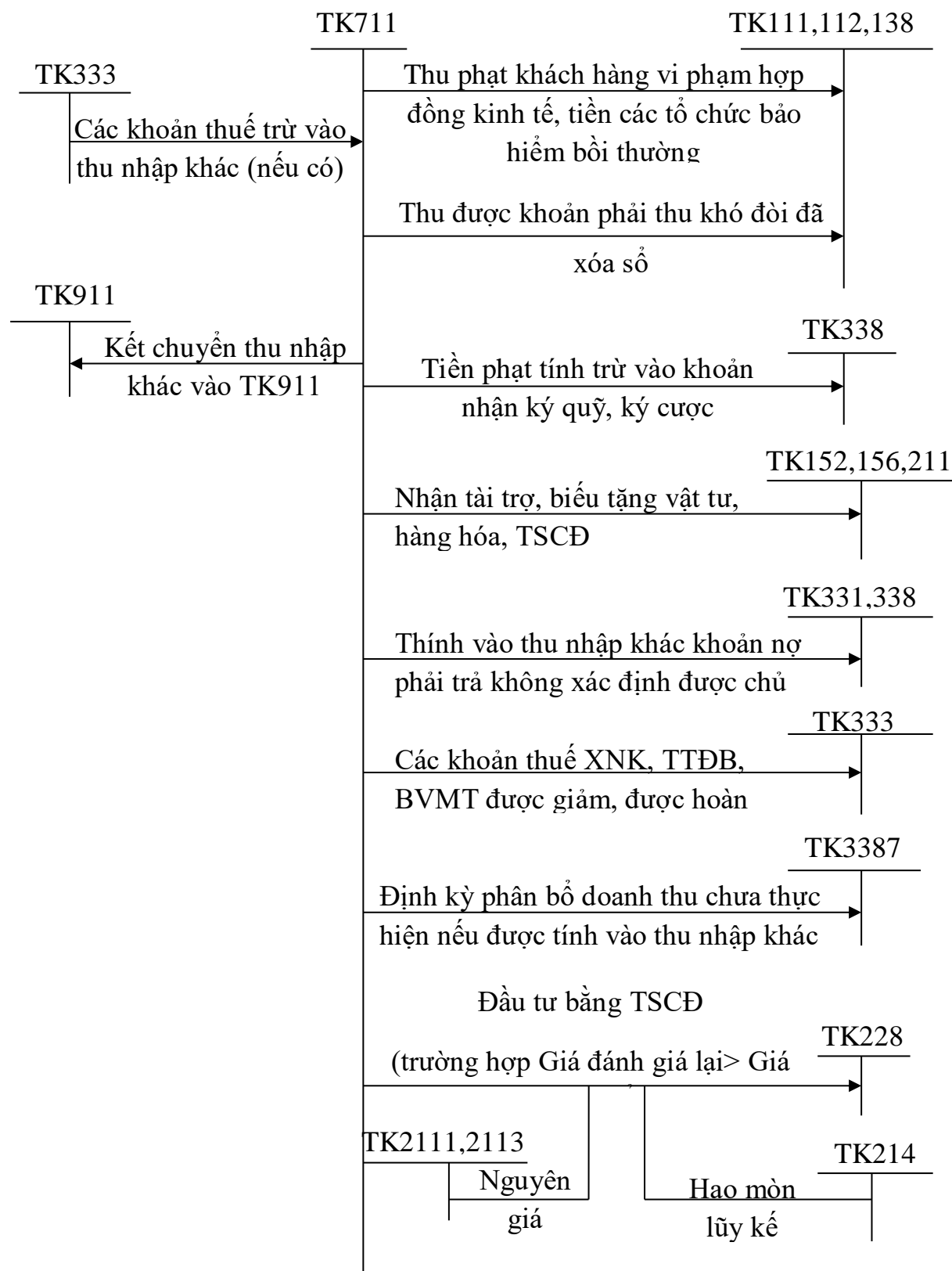
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.2.4. Thu nhập khác

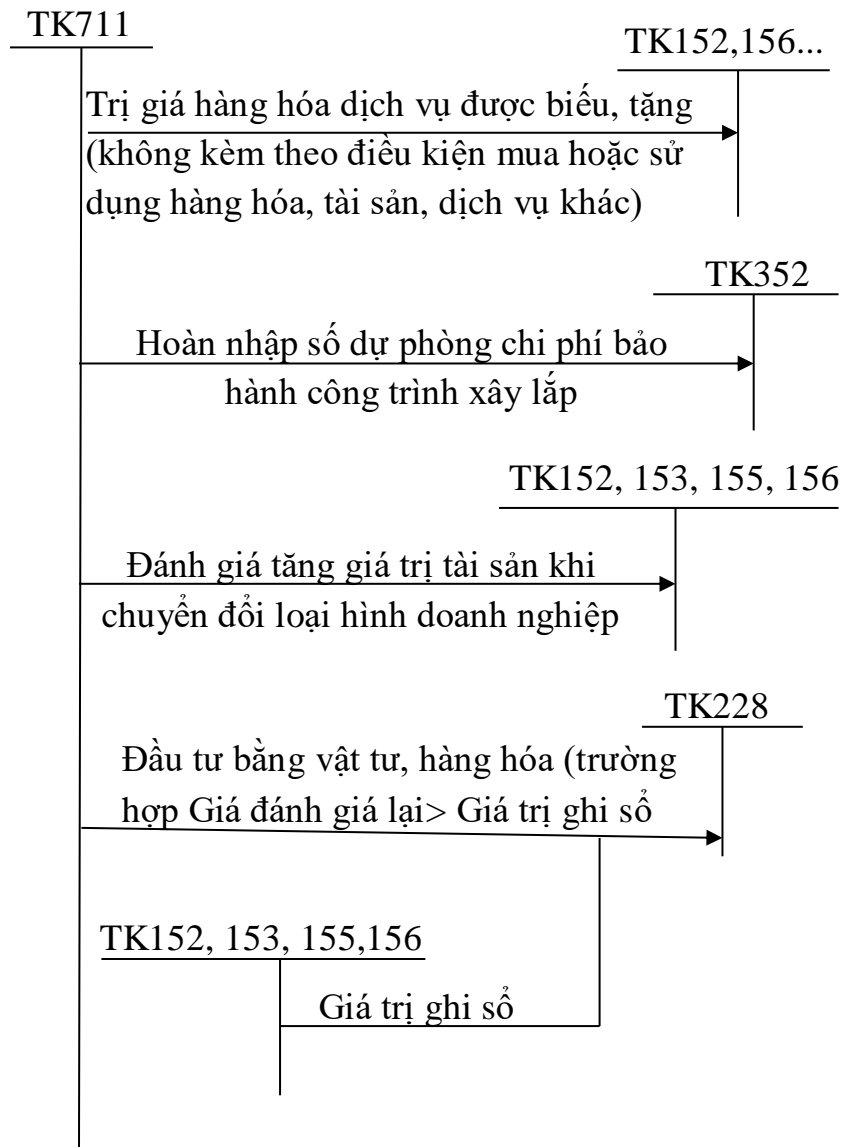
- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 711: Thu nhập khác
- Kết cấu tài khoản

| Nợ | TK 711 | Có |
|--|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh” | <ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu thu
 - Giấy báo Có của ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác (tiếp)

1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Khái niệm về chi phí.

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Bao gồm:

- Chi phí giá vốn hàng bán: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp (đối với các doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

- Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:
 - Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch chứng khoán

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ. Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Lỗ bán ngoại tệ.

- Sổ trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

- Chi phí hoạt động khác: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá vỡ.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính
- Các khoản chi phí khác

1.2.2. Kế toán chi phí.

1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phí

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Các khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2.2. Chi phí giá vốn hàng bán

- ❖ Các phương pháp xác định giá vốn

- *Phương pháp bình quân gia quyền*: theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL, hàng hóa xuất dùng} = \text{Số lượng xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ*

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp bình quân cuối kỳ trước

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ)}}$$

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO): hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ

- Phương pháp thực tế đích danh: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

❖ Kết cấu tài khoản: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

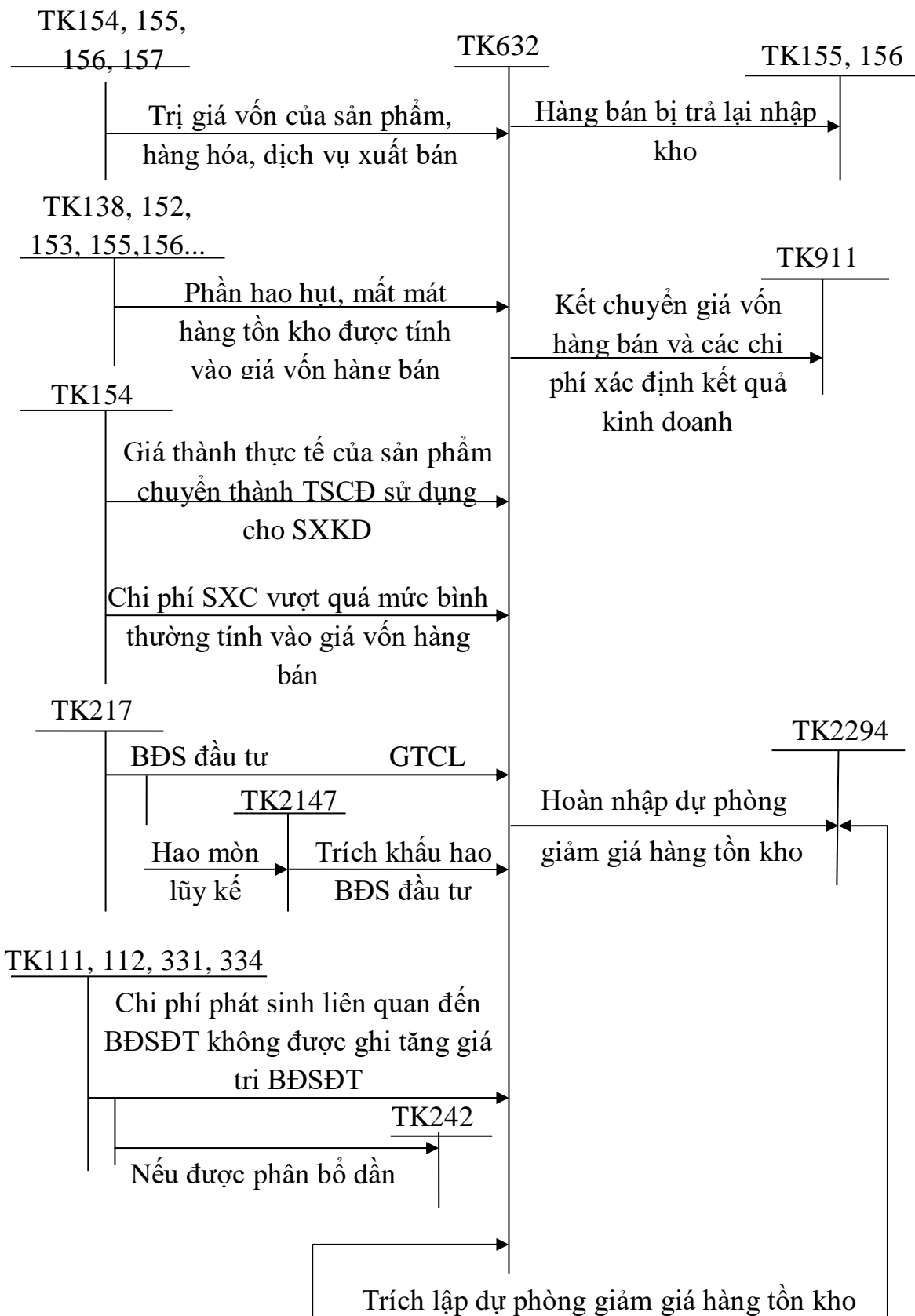
| Nợ | TK 632 | Có |
|---|--------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh: <ul style="list-style-type: none"> + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự | | <ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” • Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. • Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh). • Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được |

| | |
|--|--|
| <p>phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ. + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT. + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán , thanh lý trong kỳ. + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá + Chi phí trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán. | <p>sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại • Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại |
| <p>Tổng phát sinh nợ</p> | <p>Tổng phát sinh có</p> |

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

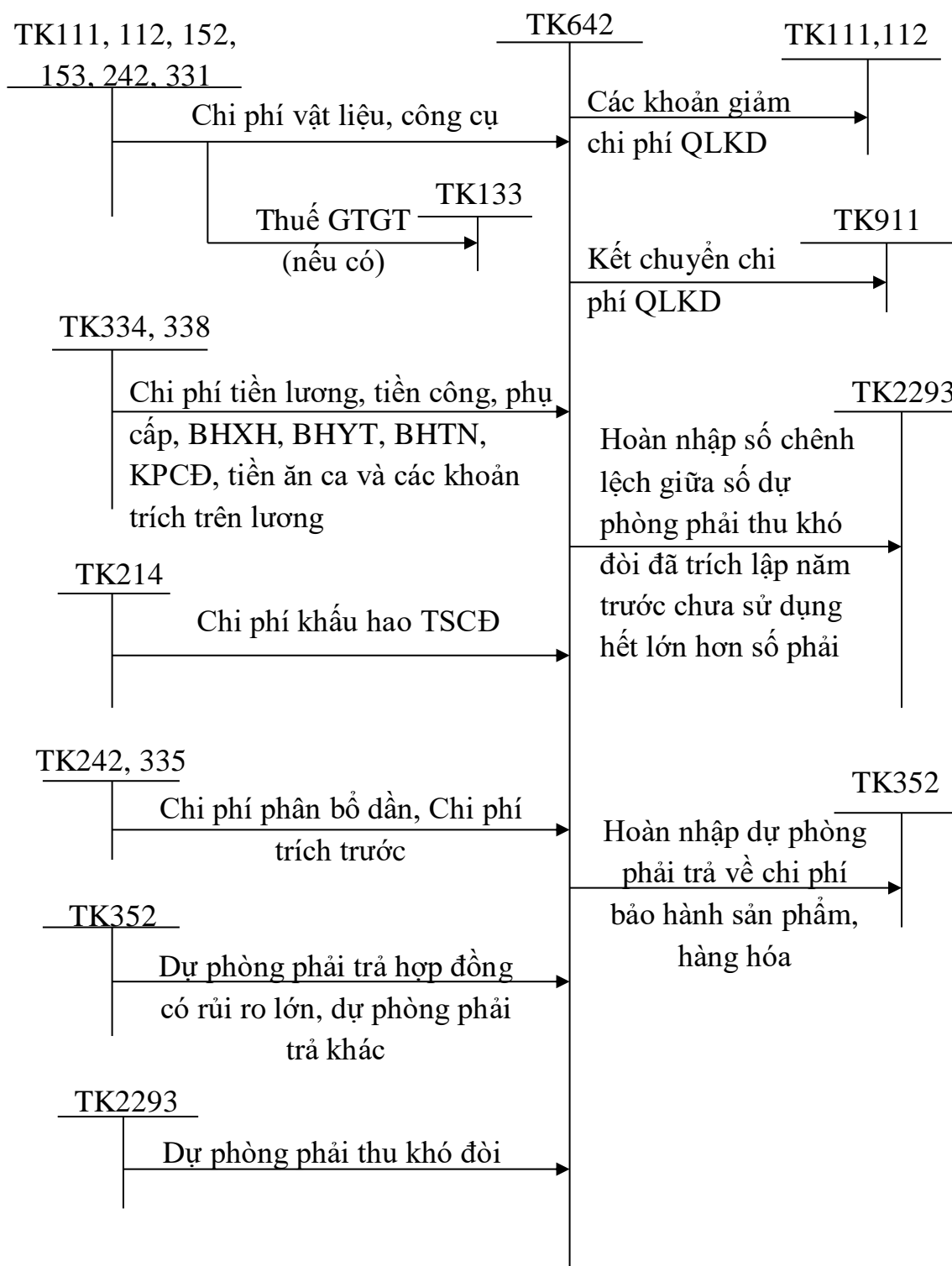
- Kết cấu tài khoản

| Nợ | TK 642 | Có |
|---|--------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) | | <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”. |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

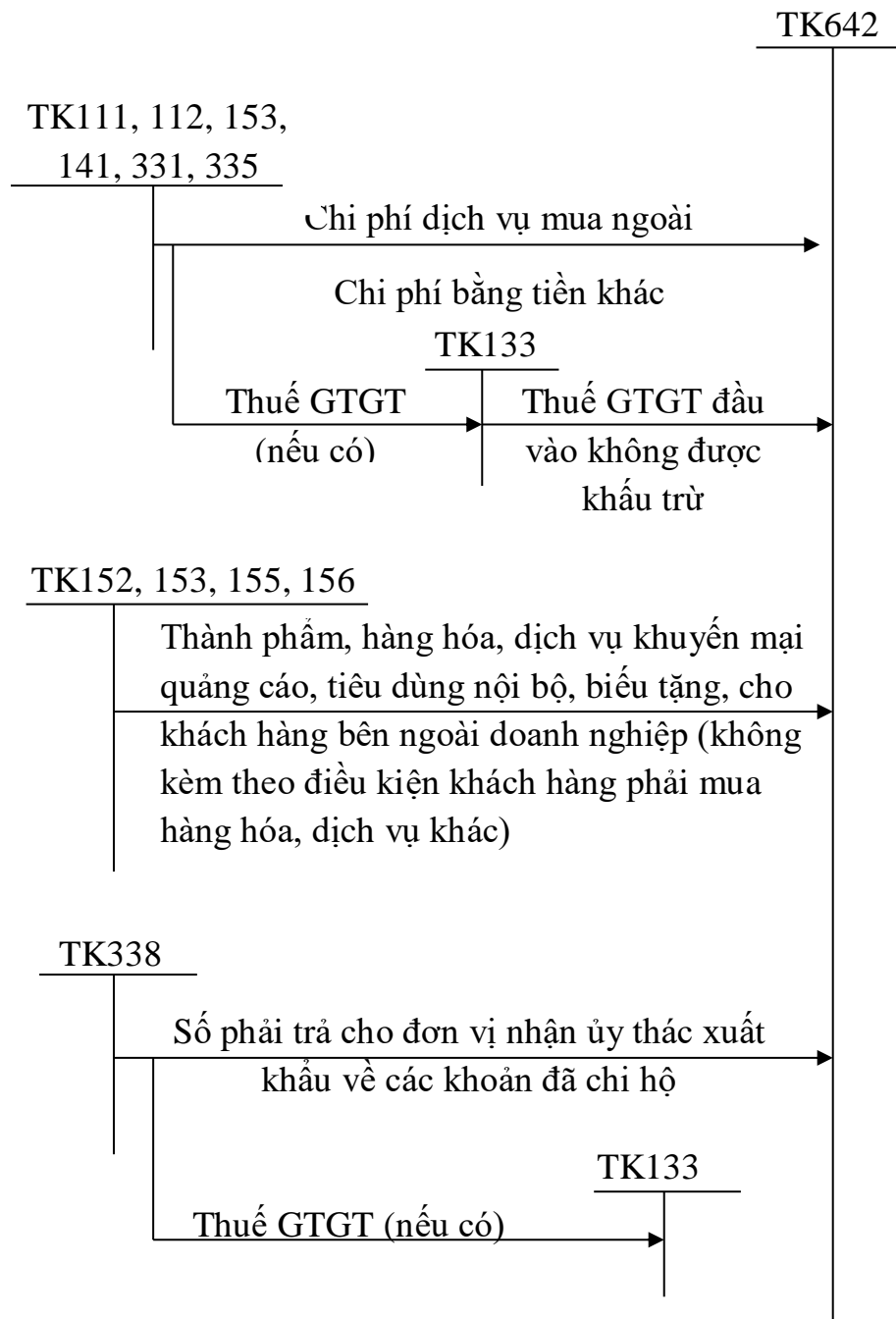
- Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hoa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ có liên quan khác

- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



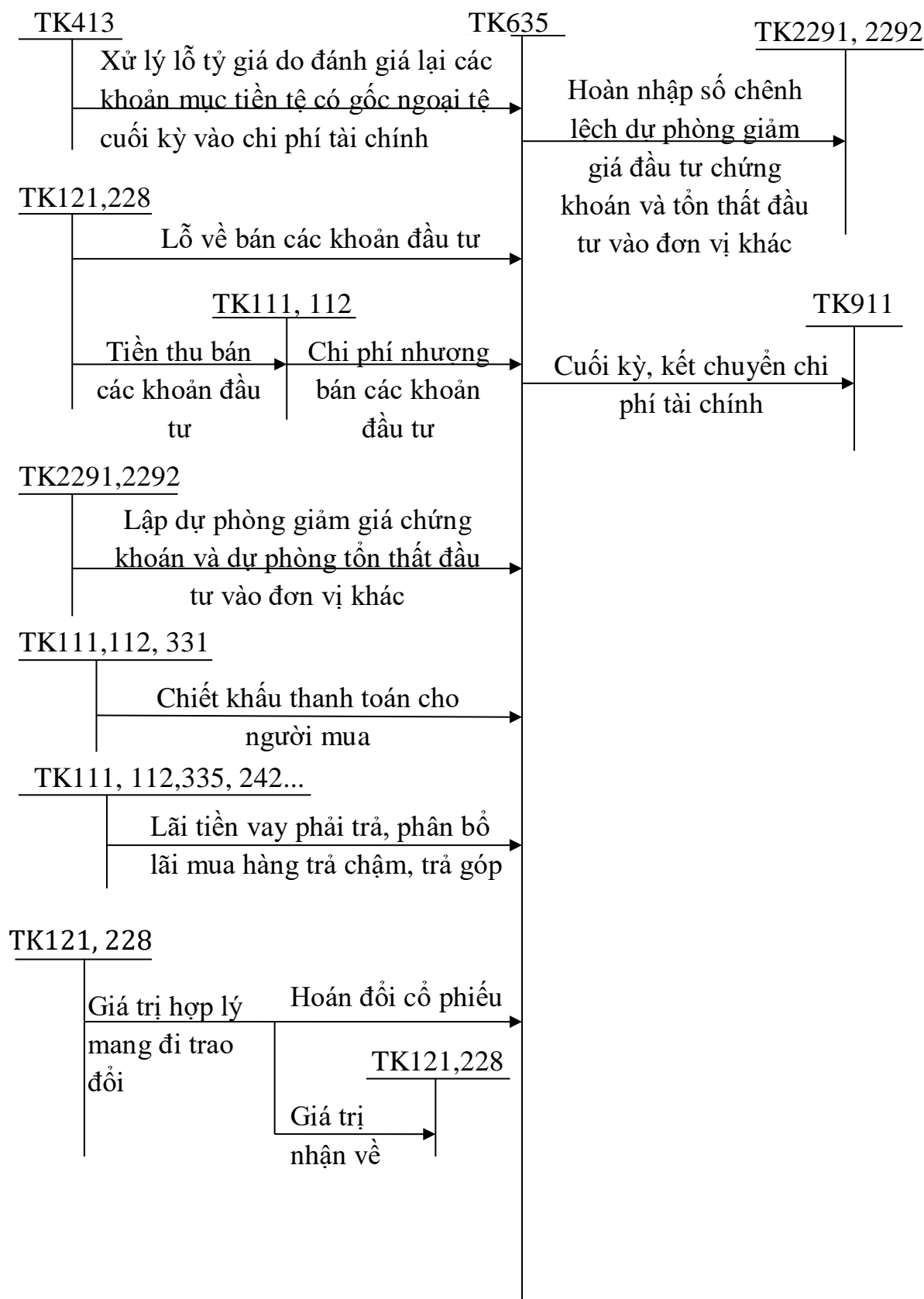
Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh (tiếp)

1.2.2.4. Chi phí tài chính

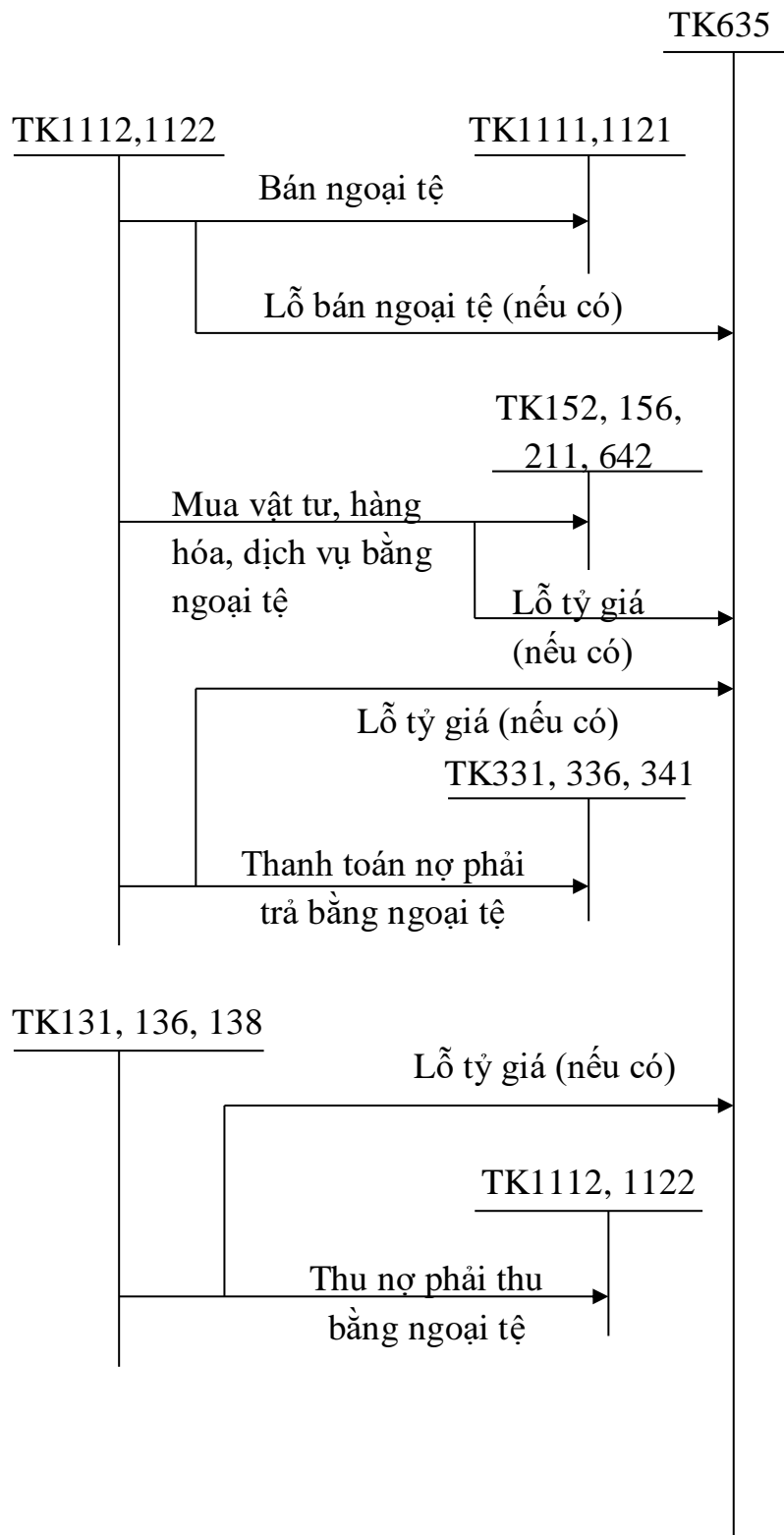
- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
- Kết cấu tài khoản

| Nợ | TK 635 | Có |
|---|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> • Các khoản tài chính phát sinh trong kỳ • Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước) | <ul style="list-style-type: none"> • Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) • Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính (tiếp)

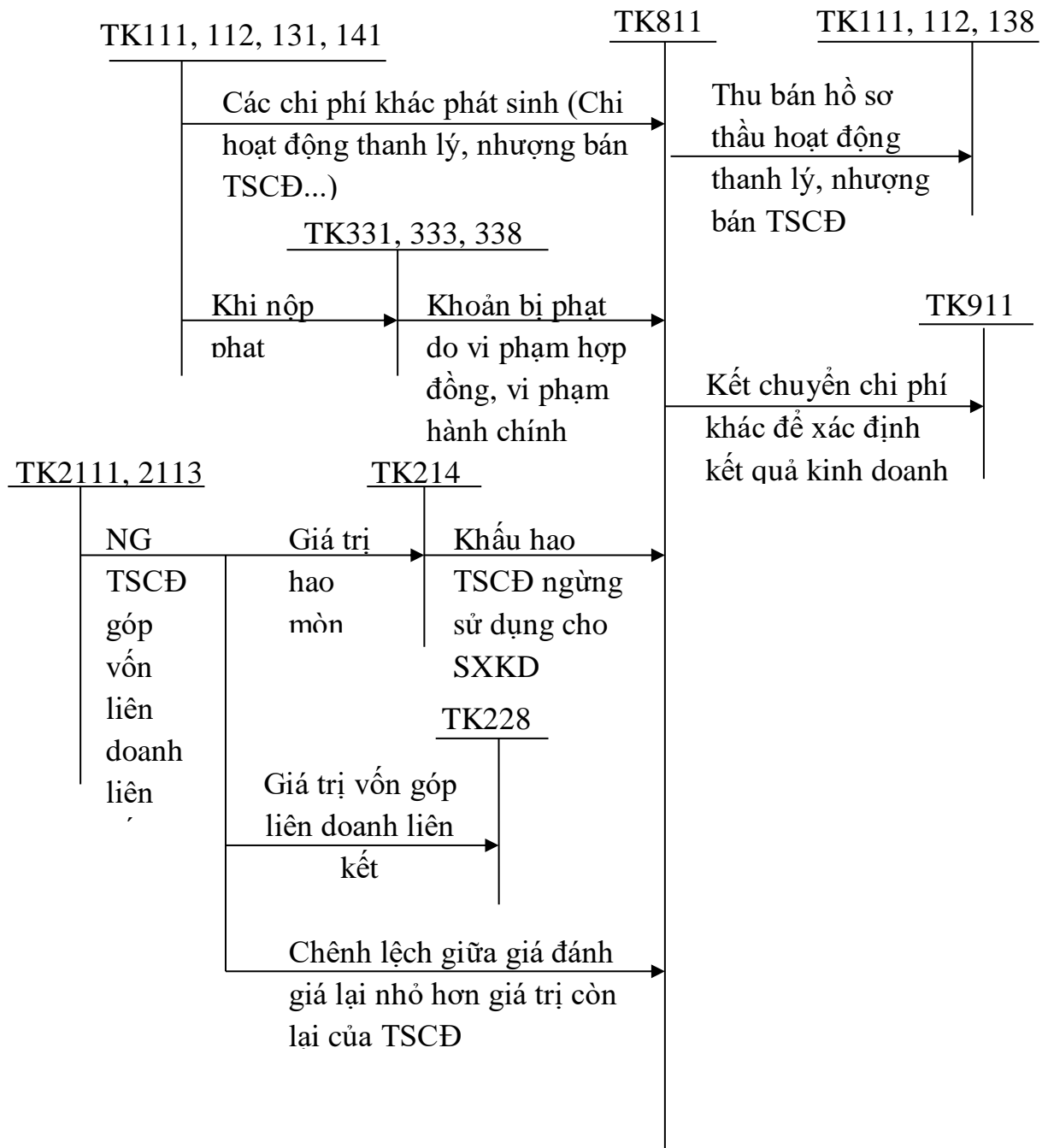
1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác

- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 811 – Chi phí khác
- Kết cấu tài khoản

| Nợ | TK 811 | Có |
|------------------------------------|---|-------------------|
| - Các khoản chi phí khác phát sinh | - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo Nợ của ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí khác

1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1. Khái niệm

Là kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- Kết của hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} - \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

1.3.3. Chứng từ sử dụng.

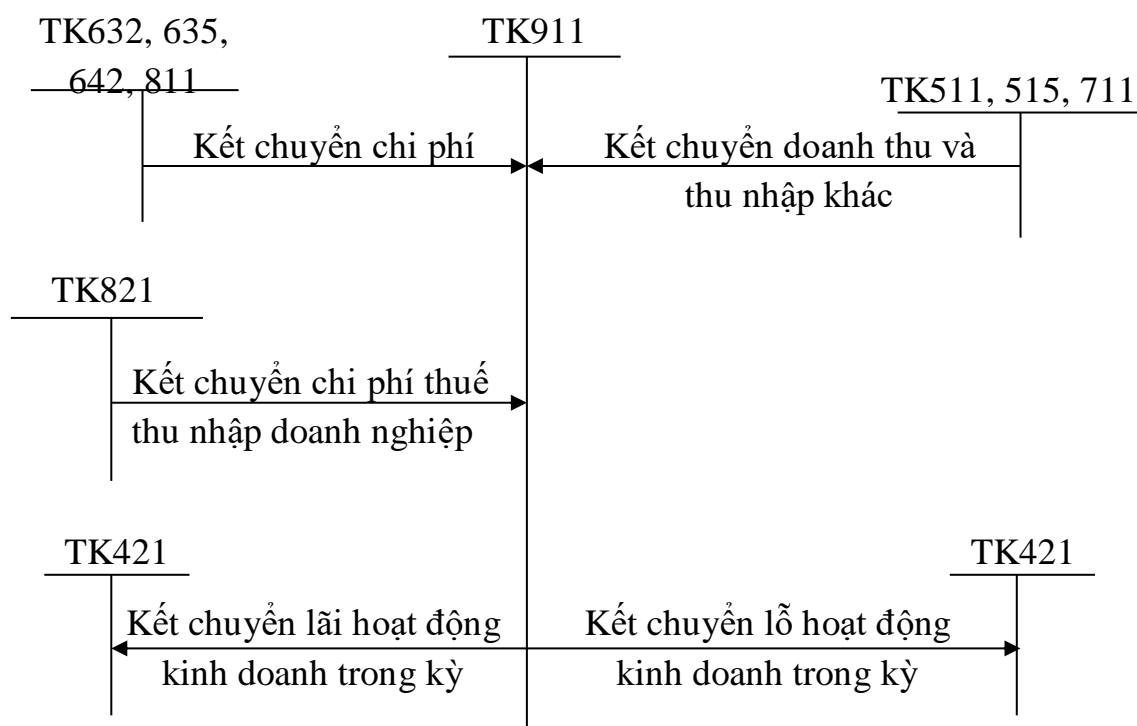
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

1.3.4. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

| Nợ | TK 911 | Có |
|--|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán • Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác • Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp • Kết chuyển lãi | <ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ • Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp • Kết chuyển lỗ | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

1.3.5. Sơ đồ hạch toán.



Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ Nhật ký, Sổ Cái. Sổ kế toán chi tiết: Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Các hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

a) Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

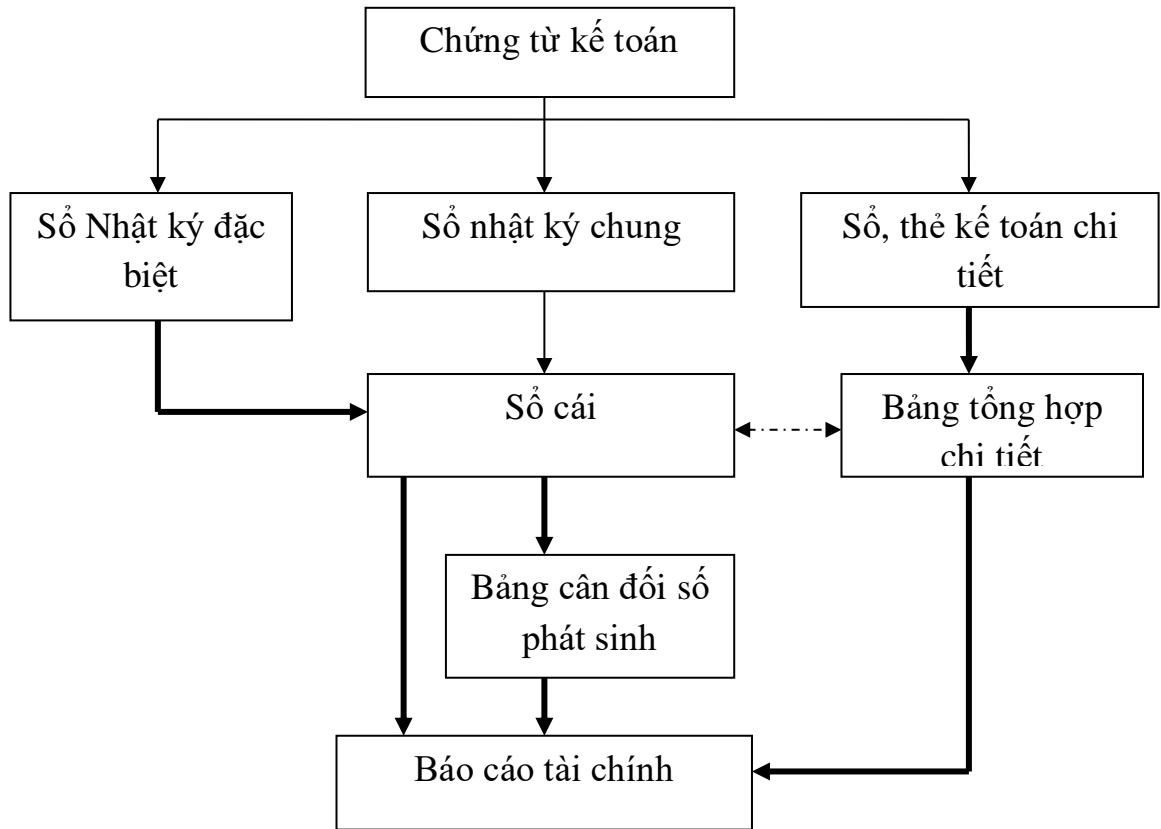
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

b) Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

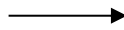
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ số phát sinh Có trên Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Ghi chú:

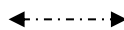
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



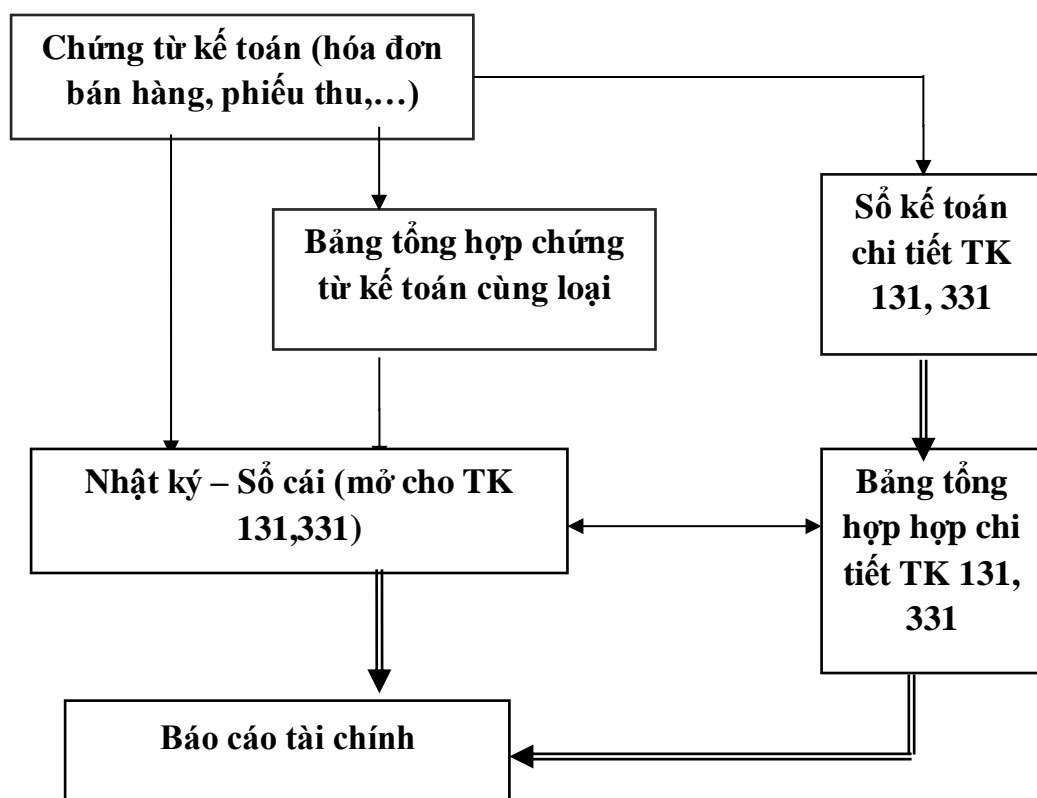
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

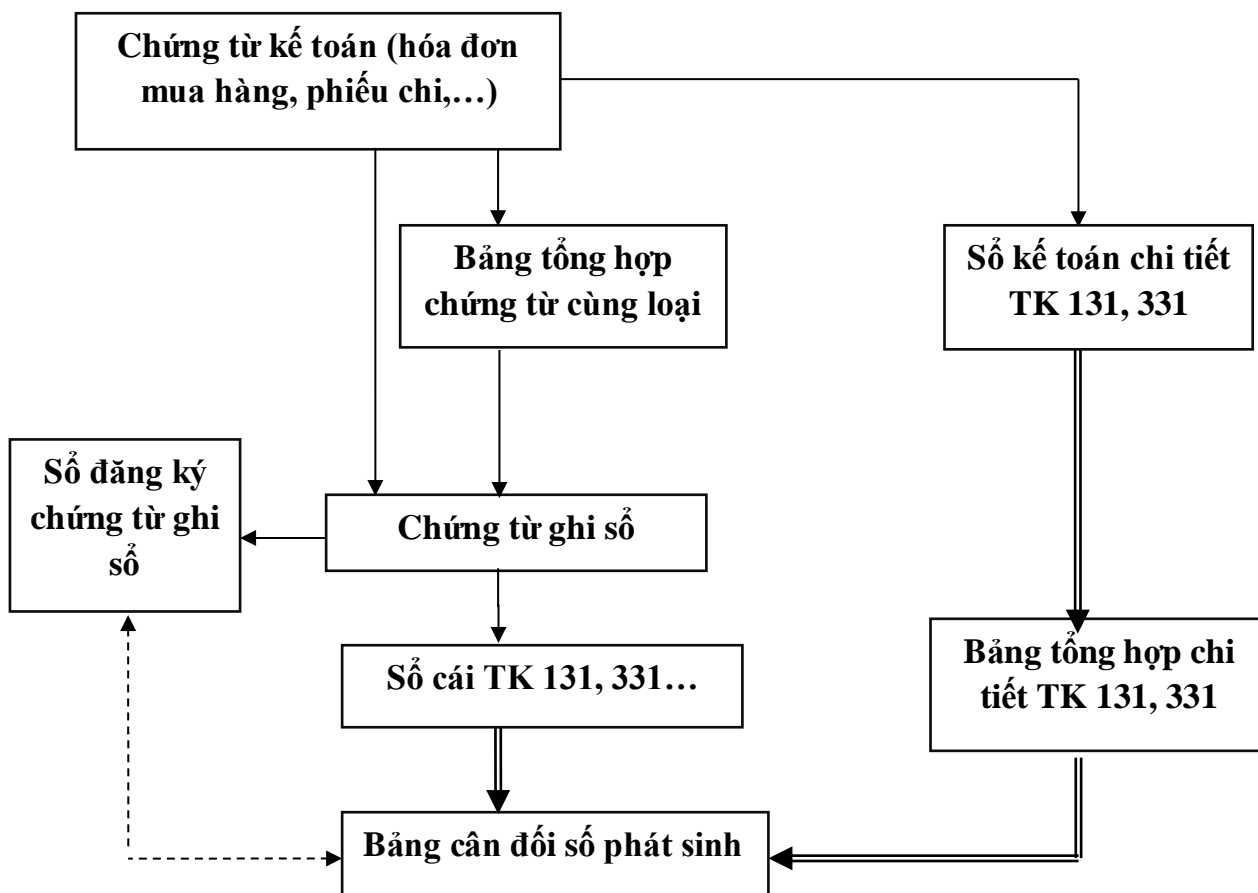
1.4.3. Hình thức Chứng từ - Ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



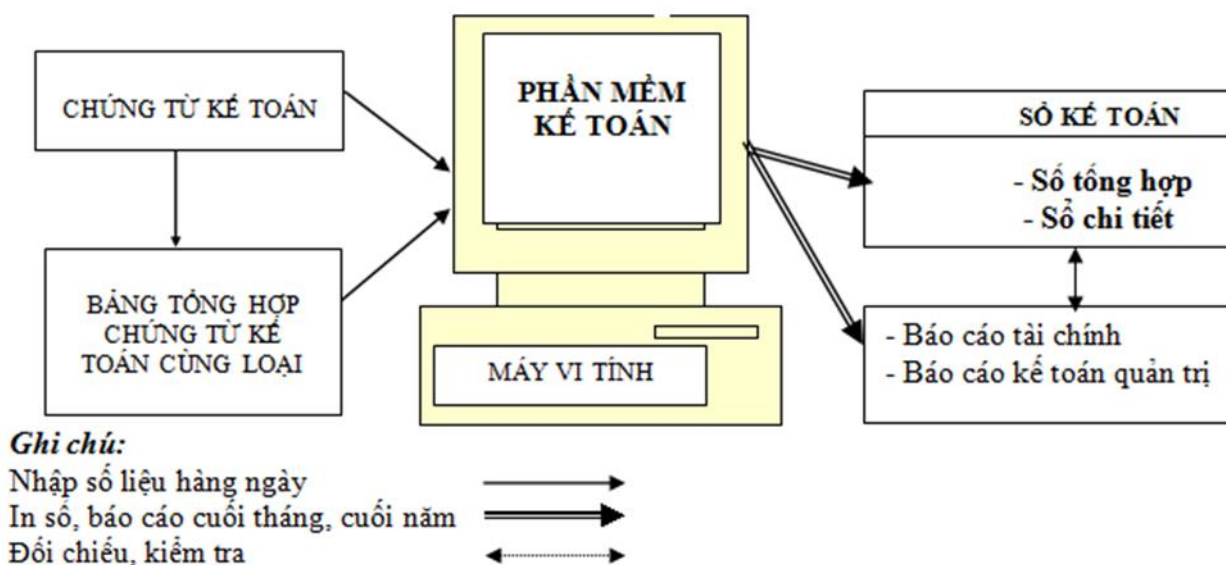
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

1.5. Một số khác biệt trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 so với Quyết định 48/2006/QĐ-BTC

► Một số thay đổi về nghiệp vụ:

a) Do trên Thông tư 133 bỏ TK 511 các khoản giảm trừ doanh thu, nên nguyên tắc của hạch toán của TK 511 bị thay đổi để ghi nhận thêm các khoản giảm trừ doanh thu này. Cụ thể:

● Kết cấu bên Nợ của TK 511:

√ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)

√ Các khoản giảm trừ doanh thu

√ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

Lưu ý: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu vào bên nợ TK 511

● Kết cấu bên Có của TK 511: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

b) Việc thay đổi hạch toán của Tk 511 sẽ ảnh hưởng tới cách lấy số của báo cáo sau:

- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn hàng
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo hợp đồng
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo công trình
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn vị
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo đơn hàng
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo công trình
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo đơn vị
- Chi tiết công nợ phải thu/ phải trả
- Chi tiết công nợ phải thu theo mặt hàng
- Chi tiết công nợ phải thu/ phải trả theo công trình
- Chi tiết công nợ phải thu theo đơn vị kinh doanh
- Chi tiết công nợ phải thu theo nhân viên
- Tổng hợp thanh toán công nợ khách hàng
- Tổng hợp thanh toán công nợ khách hàng theo nhân viên

► Hệ thống báo cáo tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ:

Đối với doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :

- Thay đổi công thức tính chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** và chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu**:

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm các loại thuế gián thu như : Thuế GTGT (kể cả thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế, phí gián thu khác.

- Số liệu để ghi vào chỉ tiêu Các khoản giảm trừ doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp nhỏ và vừa không được hưởng, phải nộp NSNN (được kế toán ghi ghi giảm doanh thu trong sổ kế toán TK 511).

- Thay đổi cách lấy số liệu các khoản giảm trừ doanh thu => không lấy theo TK152 nữa, mà lấy TK bên Nợ của 511 chi tiết theo từng khoản giảm trừ doanh thu.

- Thay đổi cách lấy số liệu chỉ tiêu **Thu nhập khác, Chi phí khác**:

- Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào Thu nhập khác.

- Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào Chi phí khác.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,

CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

2.1.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội
- Trụ sở tại: số 11, ngõ 445/50/5 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội
- Văn phòng đặt tại: Lô 43, x5, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Email: cyanhn@gmail.com
- Giấy phép số: 0103035615
- Ngày cấp giấy phép: 17/03/2009
- Điện thoại: 37535307
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công ty cổ phần cyan Hà Nội có mã số thuế là 0103621746 được cấp vào ngày 23/03/2009 do cơ quan Thuế đang quản lý: Chi cục Thuế Quận Tây Hồ.

-Thời gian đầu khi mới thành lập Công ty cổ phần cyan Hà Nội có quy mô hoạt động nhỏ, đội ngũ công nhân ít , cơ sở trang thiết bị còn thiếu thốn . Kể từ đó cho đến nay, với sự nỗ lực của ban Giám Đốc cùng đội ngũ nhân viên công ty đã, đang và sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Sau 9 năm hoạt động công ty đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận.

- Năm 2006 từ một hộ cá thể nhỏ chuyên gia công các sản phẩm như: gia công hộp sản phẩm, đóng sách, cán bết... với cơ sở hạ tầng ban đầu gồm 2 máy bết, 1 máy cắt, 1 máy đột lỗ, 1 máy cán màng và diện tích nhà xưởng 100m².

- Năm 2007, xưởng gia công được đầu tư tiếp 1 máy in offset 1 màu khổ 86 x 65.

- Năm 2008, diện tích nhà xưởng được mở rộng lên 300m².

- Và đến đầu năm 2009, xưởng gia công được phát triển thành Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội, hoạt động chính trong lĩnh vực in và gia công sản phẩm sau in. Kể từ thời điểm này, Cyan Hà Nội đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng để mở rộng sản xuất với nhiều máy in quảng cáo và in offset hiện đại với nhiều khổ in khác nhau.

- Cyan Hà Nội tập hợp đội ngũ cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo các chuyên ngành quản trị, marketing, kế toán và thiết kế. Khối quản lý

và văn phòng có trình độ đại học và trên đại học là những người trẻ đầy nhiệt huyết, sáng tạo, trách nhiệm. Đội ngũ công nhân lành nghề, được đào tạo bài bản.

- Với triết lý phục vụ “ Lợi nhuận mang tới cho khách hàng là tối đa, chi phí là tối thiểu”, Cyan Hà Nội luôn nỗ lực để mang đến cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng, đảm bảo tiến độ với giá cả cạnh tranh.

- Trong 9 năm qua sản phẩm của Cyan Hà Nội đã khẳng định được thương hiệu và vị thế trên thị trường.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Cyan Hà Nội chuyên cung cấp những sản phẩm in và công nghệ in cho thị trường nội thành và các tỉnh lân cận.

Dịch vụ đa dạng: Việt In là công ty như: in catalogue, in túi giấy, in hộp giấy, in decal, in tờ rơi... brochure, tờ gấp, in namecard, in lịch, in poster, in danh thiếp, in tem bảo hành, in biểu mẫu, sản xuất hộp...

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.

Trong quá trình hoạt động của mình công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn

* Thuận lợi:

- Đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, năng động, nhiệt huyết, luôn nỗ lực hết mình vì công việc và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm rất cao, có tinh thần và kỹ năng làm việc tốt

- Môi trường làm việc văn minh, lành mạnh và chuyên nghiệp

- Cơ sở vật chất tốt như: được trang bị máy móc, trang thiết bị tân tiến nhất hiện nay, khu vực nhà xưởng rộng rãi, đảm bảo an toàn trong lao động.

- Bộ máy quản lý chuyên nghiệp, nhất quán, dễ dàng kiểm tra, kiểm soát

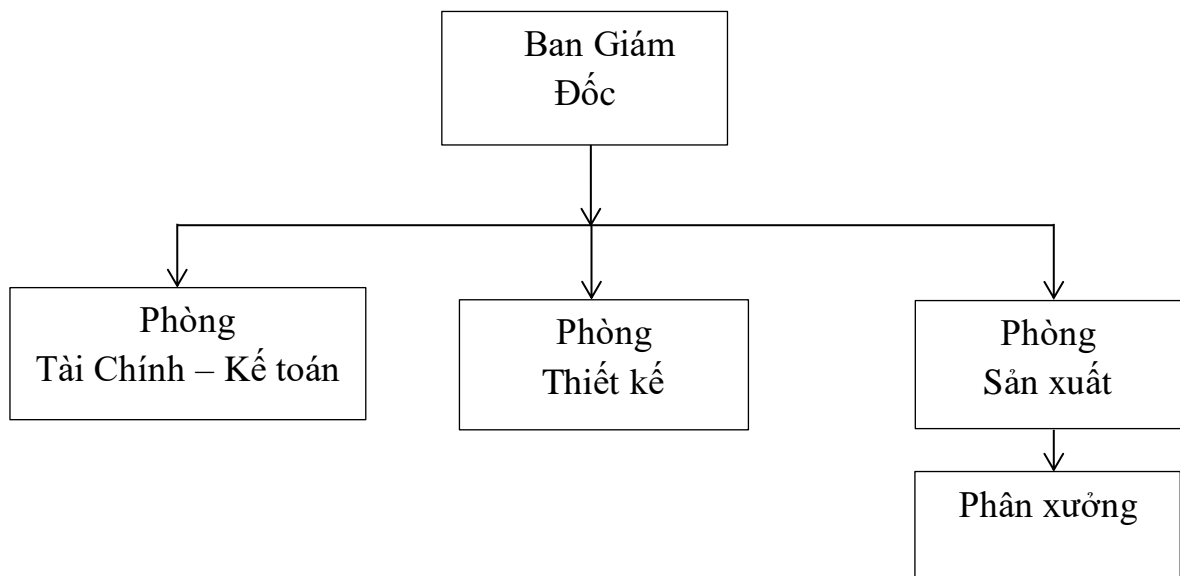
* Khó khăn:

- Đội ngũ nhân viên còn trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm nên ban đầu còn gặp nhiều vướng mắc trong kỹ thuật.

- Nhu cầu sử dụng của khách hàng đa dạng

- Đối thủ cạnh tranh nhiều trên thị trường

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy của công ty



Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Chức năng của từng phòng ban

➤ *Ban giám đốc công ty:*

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định..

➤ *Phòng thiết kế:* thiết kế những sản phẩm, điều tra, phân tích, đánh giá và tìm hướng mở rộng thị trường.

➤ *Phòng sản xuất :* Quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng. Công tác quản lý vật tư, thiết bị. Công tác quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại công ty, công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế

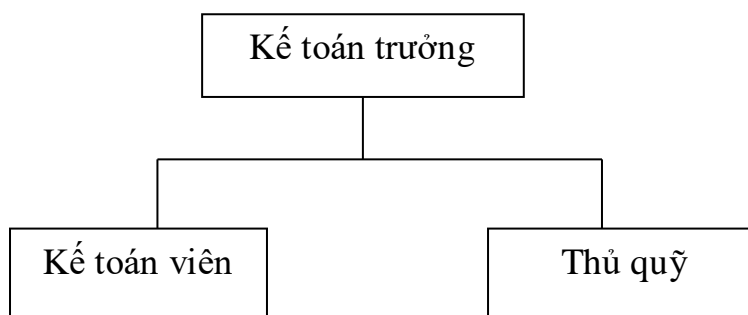
bản mẫu mã mới, kiểm định chất lượng sản phẩm. Phối hợp với các phòng ban, trực tiếp quản lý các ca trưởng và nhân viên trong xưởng, dưới sự chỉ đạo của giám đốc.

- *Phân xưởng sản xuất*: Nơi các công nhân sản xuất, vận hành, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, quản lý nguyên nhiên vật liệu chống lãng phí, thất thoát. Quản lý và quan tâm đến người lao động. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

2.1.5.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Kế toán trưởng:

- Là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán tại công ty.
- Phụ trách tổ chức bộ máy kế toán phù hợp theo yêu cầu quản lý của công ty.
- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách.
- Kiểm tra, ký duyệt các chứng từ kế toán.
- Theo dõi và phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến vốn bằng tiền của công ty
- Hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương, đóng bảo hiểm cho

công nhân viên

- Kiểm tra, theo dõi, tổng hợp và lập báo cáo tình hình tài chính của công ty.

Kế toán viên:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ thanh toán theo từng đối tượng.

- Theo dõi tình hình xuất nhập hàng hóa để xác định doanh thu bán hàng và tồn kho.
- Theo dõi, tính và trích khấu hao các đối tượng thuộc tài sản của công ty.

Thủ quỹ:

- Quản lý và chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của công ty.
- Hàng ngày mở sổ ghi chép đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện kiểm kê quỹ cuối ngày, đối chiếu với các bộ phận có liên quan.

2.1.5.2. Chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: theo **hình thức Nhật ký chung**
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng : Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.1.5.3. Hình thức ghi sổ kế toán của công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

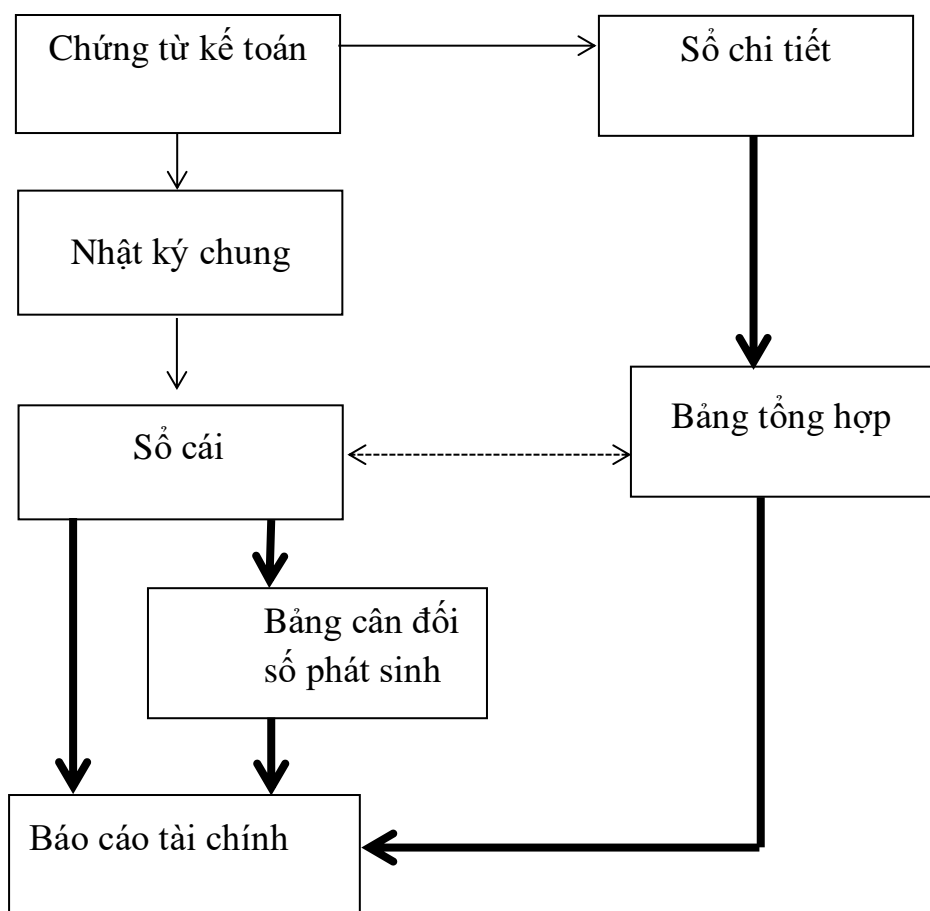
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Kiểm tra, đối chiếu ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

-Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Cyan Hà Nội

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể thu được tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán được ghi nhận là doanh thu.

- Doanh thu của công ty chủ yếu là nhận các đơn đặt hàng in decal, in tờ rơi, in brochure, in poster,...

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng : - Hóa đơn GTGT

- Phiếu xuất kho

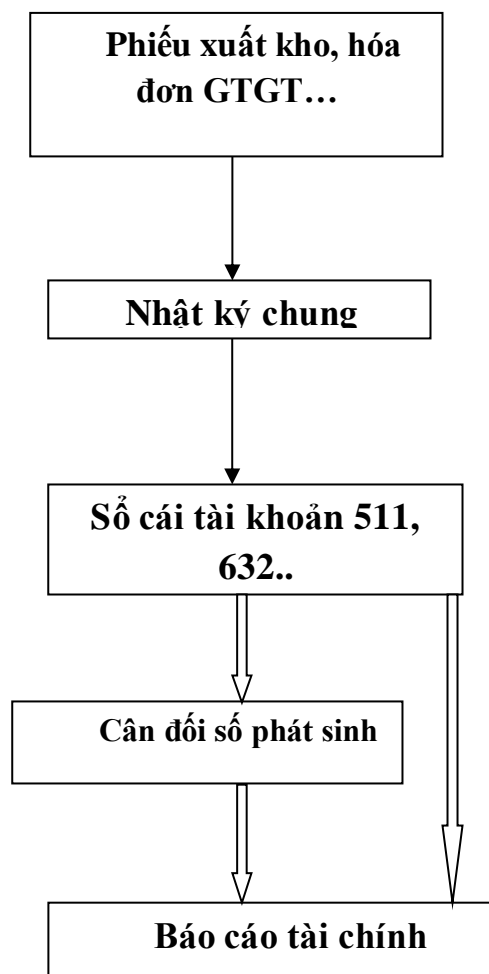
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản sử dụng: 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

632: Giá vốn hàng bán

Trình tự kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ: \Longrightarrow

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

2.2.1.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ngày 8/9/2016 In quảng cáo cho công ty TNHH D.O.G chưa thu tiền :

160.000.000 (cả thuế GTGT)

ĐK: Nợ TK 131: 160.000.000

Có TK 511: 145.454.545

Có TK 3331: 14.545.455

Biểu số 2.1: HDGTGT số 000025

| HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 8 tháng 9 năm 2016 | | | Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 000025 | | |
|--|-----------------------|---------------------------------------|--|--|-------------|
| Đơn vị bán hàng: Công ty CP Cyan Hà Nội Mã số thuế: 0103621746 Địa chỉ :Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội Điện thoại: ...37535307..... Số tài khoản:.....0561100379009..... | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: .. Công ty TNHH D.O.G Mã số thuế:...5701433392..... Địa chỉ: Số 11 Tập thể Vật Tư, tổ 4, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội..... Hình thức thanh toán:CK....; Số tài khoản:..... | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1 x 2 |
| | In quảng cáo | | | | 145.454.545 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 145.454.545 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 14.545.455 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 160.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu chẵn | | | | | |
| Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) | | Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn) | | | | | |

Biểu số 2.2: Sổ nhật ký chung

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân,
P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | |
|-----------|---------------------------|------|---|------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 8/9 | HDG TGT 00000 25 | 8/9 | In quảng cáo cho công ty TNHH D.O.G | 131 | 160.000.000 | |
| | | | | 511 | | 145.454.545 |
| | | | | 3331 | | 14.545.455 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 6/10 | HDG TGT 00000 32 | 6/10 | In quyển Brochure cho CN Công ty TNHH Dầu nhờn Charmvit | 131 | 40.840.000 | |
| | | | | 511 | | 37.100.000 |
| | | | | 3331 | | 3.710.000 |
| ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng phát sinh | | 19.371.644.590 | 19.371.644.590 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3 :Trích Sổ cái 511 năm 2016

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu:511

Đơn vị tính: Đồng

| NT Ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | SH TK Đ/U | Số tiền | |
|-----------|---------------------------|------------|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu kỳ</u> | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 8/9 | HĐGTGT 0000025 | 8/9 | In quảng cáo cho công ty TNHH D.O.G | 131 | | 145.454.545 |
| | | | | | | |
| 6/10 | HĐGTGT 0000032 | 6/10 | In quyền Brochure cho CN Công ty TNHH Dầu nhờn Charmvit | 131 | | 37.100.000 |
| ... | ... | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 11.108.102.836 | 11.108.102.836 |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 : Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản như: chi phí nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ; các loại chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, chi tiếp khách...

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi

Giấy báo nợ

Hóa đơn GTGT

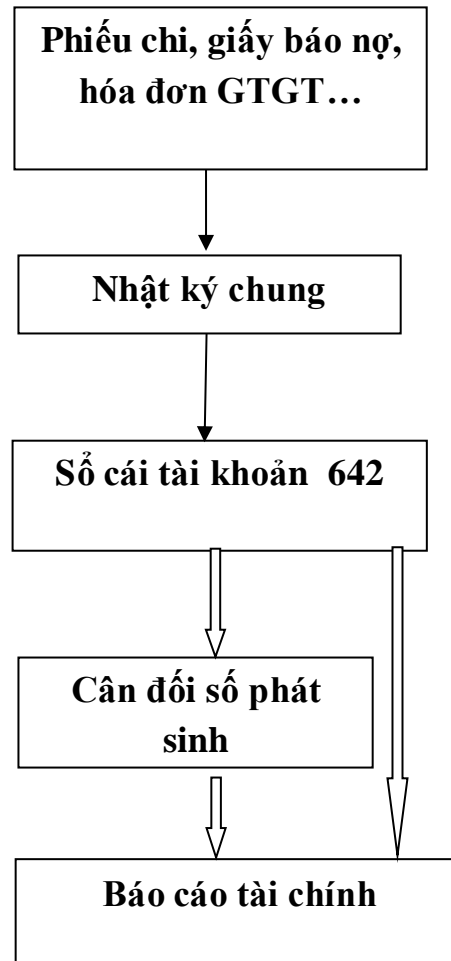
Bảng thanh toán lương

Các chứng từ khác liên quan

Tài khoản sử dụng:

642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ minh họa :



Ví dụ : Ngày 05/09 Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt : 766.272 (cả thuế VAT).

ĐK : Nợ TK 642: 696.611

Nợ TK 133: 69.661

Có TK 111: 766.272

Biểu số 2.4: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

|  | | HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy) | | Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu (Serial No): AA/15P Số (No): 1002039 | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 1001410 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Mã số thuế: | | <table border="1" style="border-collapse: collapse; width: 100%;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table> | 0 | 1 | 0 | 3 | 6 | 2 | 1 | 7 | 4 | 6 | | | |  | | | |
| 0 | 1 | 0 | 3 | 6 | 2 | 1 | 7 | 4 | 6 | | | | | | | | | | |
| Viễn thông Hà Nội | | 03036537042015 | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ: ■ 811 Đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên khách hàng (Customer's name): Công ty CP Cyan Hà Nội | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Địa chỉ (Address): Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P. Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Số điện thoại (Tel): 03203 890863 | | Mã số (code): HPG-03-036537(T5DHA3) | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM | | MST: <table border="1" style="border-collapse: collapse; width: 100%;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table> | | | | 0 | 8 | 0 | 0 | 8 | 1 | 9 | 0 | 0 | 6 | | | | |
| 0 | 8 | 0 | 0 | 8 | 1 | 9 | 0 | 0 | 6 | | | | | | | | | | |
| STT(NO) | DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE) | ĐVT(UNIT) | SỐ LƯỢNG (QUANTITY) | ĐƠN GIÁ (PRICE) | THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 | | | | | | | | | | | | | | |
| | Kỳ cước tháng: 04/2015 a. Cước dịch vụ Viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mãi e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ | | | | 696.611 0 0 0 | | | | | | | | | | | | | | |
| (a+b+c+d) | | Cộng tiền dịch vụ (Total)(1): | | | 696.611 | | | | | | | | | | | | | | |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = | | Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2): | | | 69.661 | | | | | | | | | | | | | | |
| (1+2+e) | | Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2): | | | 766.272 | | | | | | | | | | | | | | |
| Số tiền viết bằng chữ (In words): Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi hai nghìn | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Người nộp tiền ký (Signature of payer) | | | Ngày 05 tháng 09 năm 2016 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff) | | | | | | | | | | | | | | | | |

Biểu số 2.5 : Phiếu chi

| | | | | |
|---|---------------------------------|---------------------------------|---|--------------------------|
| Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội | | PHIẾU CHI Số: /09_002 | Mẫu số 02-TT | |
| Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội | | Ngày 05 tháng 09 năm 2016 | (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) | |
| | | | Nợ TK 642 Nợ TK 133 Có TK111 | |
| Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoa | | | | |
| Địa chỉ: Công ty Viễn Thông VNPT | | | | |
| Lý do chi: trả tiền hóa đơn 1001410 | | | | |
| Số tiền: 766.272 | | | | |
| (Viết bằng chữ): Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng | | | | |
| Kèm theo: 01 chứng từ gốc | | | | |
| Ngày 5 tháng 09 năm 2016 | | | | |
| Người lập phiếu (ký, họ tên) | Người nhận tiền (ký, họ tên) | Thủ quỹ (ký, họ tên) | Kế toán trưởng (ký, họ tên) | Giám đốc (ký, họ tên) |
| Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi hai nghìn | | | | |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội)

Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc
Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ
- Hà Nội

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ Ư | Số tiền | |
|-----------------|---------------|------|---|----------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 05/9 | PC/09 _002 | 05/9 | Thanh toán tiền điện thoại | 642 | 696.611 | |
| | | | | 133 | 69.661 | |
| | | | | 111 | | 766.272 |
| ... | ... | ... | | | ... | ... |
| 11/9 | PC/09 _005 | 11/9 | Thanh toán tiền chi phí tiếp đối tác | 6422 | 2.700.000 | |
| | | | | 1331 | 270.000 | |
| | | | | 1111 | | 2.970.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng phát sinh | | 19.371.644.590 | 19.371.644.590 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7 :Trích Sổ cái 642 năm 2016

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Chi phí QLDN

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

| NT Ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | SH TK Đ/U | Số tiền | |
|--------------|------------------|--------------|--|------------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 05/09 | PC/09_002 | 05/09 | Thanh toán tiền điện thoại trả ngay bằng tiền mặt | 111 | 696.611 | |
| | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 578.714.741 | 578.714.741 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | 0 | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính

2.2.3.1: Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là: lãi tiền gửi Ngân hàng

Chứng từ sử dụng: Chứng từ giao dịch của Ngân hàng , giấy báo có


Tài khoản sử dụng: 515

Ví dụ minh họa: Lãi tiền gửi tháng 10 năm 2016

ĐK: Nợ TK 11212: 9.086

Có TK 515 : 9.086

Biểu số 2.8 : Giấy báo có

| | |
|--|--|
|  <p>SHB Solid partners, flexible solutions NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI</p> | Ngày in/Printed date: 25/10/2016 |
| | Giao dịch viên/Teller: Maker |
| | Số giao dịch/Trans no: A2SF291215816284 |
| GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP | |
| Ngày/date: 25/10/2016 | |
| ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY | |
| Tên tài khoản/Customer name: Công ty CP Cyan Hà Nội | |
| Tài khoản/Account number: 100189949 | |
| | Tổng số tiền bằng số/Amount: 9.086 VND |
| ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT | |
| Tên tài khoản/ Customer name: | |
| Số tài khoản/Account number: | |
| Số tiền bằng chữ/Amount in words: Chín nghìn không trăm tám sáu đồng. | |
| Nội dung/Content: Nhập lãi tiền gửi vào gốc 100189949 . | |
| Giao dịch viên Teller | Kiểm soát Checker |

Biểu số 2.9 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 gác 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ -
Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|-----------|----------|-------|--|--------------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| | | | | | | |
| 25/9 | GBC | 25/10 | Lãi tiền gửi T9 ngân hàng VietinBank | 11211 | 8.211 | |
| | | | | 515 | | 8.211 |
| | | | | | | |
| 25/10 | GBC | 25/10 | Lãi tiền gửi T10 ngân hàng Vietinbank | 11212 | 9.086 | |
| | | | | 515 | | 9.086 |
| | | | | | | |
| 25/11 | GBC | 25/11 | Lãi tiền gửi T11 ngân hàng VietinBank | 11211 | 3.496 | |
| | | | | 515 | | 3.496 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 19.371.644.590 | 19.371.644.590 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10 :Trích Sổ cái 515 năm 2016

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm:2016

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

| NT Ghi sổ | Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | SH TK Đ/U | Số tiền | |
|--------------|-----------------|--------------|--|--------------|----------------|----------------|
| | Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu kỳ</u> | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 25/9 | GBC | 25/9 | Lãi tiền gửi T9 ngân hàng VietinBank | 11211 | | 8.211 |
| | | | | | | |
| 25/10 | GBC | 25/10 | Lãi tiền gửi T10 ngân hàng Vietinbank | 11212 | | 9.086 |
| ... | ... | | | | | |
| 25/11 | GBC | 25/11 | Lãi tiền gửi T11 ngân hàng VietinBank | 11211 | | 3.496 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 209.998 | 209.998 |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2: Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của công ty là khoản tiền trả lãi vay trong quá trình hoạt động.

Chứng từ sử dụng: Giấy báo nợ, phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng: TK635

Ví dụ minh họa: Trả tiền lãi vay tháng 10 năm 2016

ĐK: Nợ TK 635: 10.824.597

Có TK 1121: 10.824.597

Ngày 31/12/2016 kết chuyển các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính

ĐK: Nợ TK 911: 194.650.530

Có TK 635: 194.650.530

Biểu số 2.11: Giấy báo Nợ số 10521

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

Mã GDV:
Mã KH: 1036

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25/10/2016

Số GD: 10521

Khính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI

Mã số thuế: 0103621746

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0561100379009

Số tiền bằng số: 10.824.597

Số tiền bằng chữ: Mười triệu tám trăm hai mươi tư nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng/

Nội dung:## Trả tiền lãi vay ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.12: Phiếu kế toán 39

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Số 445 ngõ 50 gác 50/5 Lạc Long Quân,

P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

Mã số thuế: 0103621746

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 39

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
|-----|------------------------------|-----------|-----|--------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | 635 | 194.650.530 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 194.650.530 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung

Công ty CP Cyan Hà Nội

Mẫu số S03a-DNN

Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội (Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ Ư | Số tiền | |
|--------------|--------------|-------|---------------------------------|----------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | GBN 10521 | 25/10 | Trả tiền lãi vay | 635 | 10.824.597 | |
| | | | | 1121 | | 10.824.597 |
| ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT 39 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | 194.650.530 | |
| | | | | 635 | | 194.650.530 |
| | | | Cộng phát sinh | | 19.371.644.590 | 19.371.644.590 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Sổ cái tài khoản 635

Công ty CP Cyan Hà Nội
 Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc
 Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ -
 Hà Nội

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SHT KD U | Số tiền | |
|--------------|-------|------------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| GBN1052 1 | 25/10 | Trả tiền lãi vay | 1121 | 10.824.597 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PKT 39 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | | 194.650.530 |
| | | Cộng số phát sinh | | 194.650.530 | 194.650.530 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

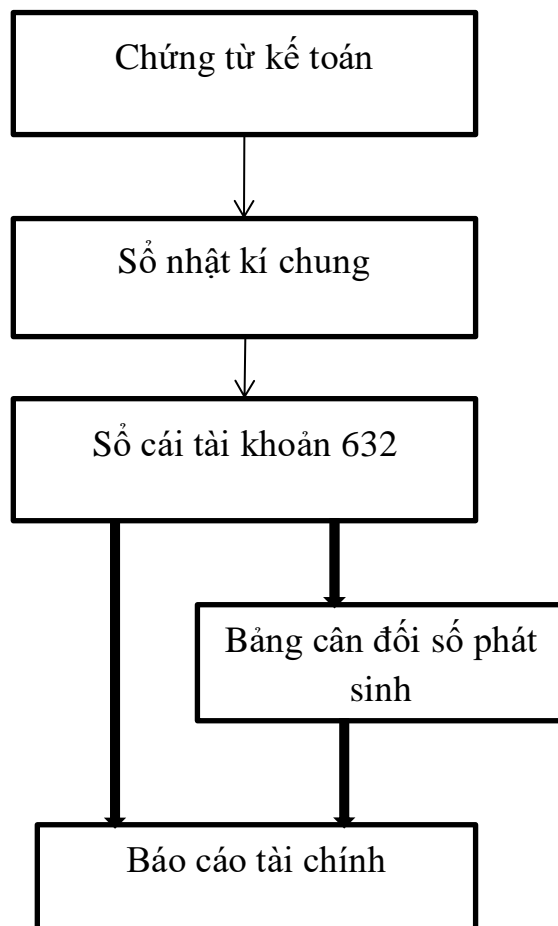
Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng tại công ty:

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ →

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán doanh giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Ngày 9/9/2016 Công ty bàn giao đơn hàng số 36 cho Chi nhánh Công ty TNHH Dầu Nhòn Chevron Việt Nam - tại Hà Nội (PKT28/09_003). Với tổng giá trị ghi tên hợp đồng là 66.500.000, chưa thanh toán số tiền trên. Trị giá vốn của đơn hàng là 50.120.920. (Bảng giá thành sản phẩm đơn hàng số 36- Biểu số 2.15)

Biểu số 2.15: Bảng giá thành sản phẩm đơn hàng số 36

BẢNG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Đơn hàng số 36 Chi nhánh công ty TNHH Dầu Nhòn Chevron Việt Nam - tại Hà Nội

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | CPDD đầu kỳ | CP phát sinh trong kỳ | CPDD cuối kỳ | Tổng giá thành SP |
|---------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------|--------------------------|
| CP nguyên vật liệu | - | 34.150.420 | | 34.150.420 |
| CP nhân công | | 11.250.000 | | 11.250.000 |
| CP sản xuất chung | | 4.720.500 | | 4.720.500 |
| Tổng | | 50.120.920 | | 50.120.920 |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(kí, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(kí, ghi rõ họ tên)

Ngày 30 tháng 9 năm 2016
GIÁM ĐỐC
(kí, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 28

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|---|------|-----|-------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Giá vốn đơn hàng số 36 cho Chi nhánh công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam - tại Hà Nội | 632 | 154 | 50.120.920 |
| | Cộng | | | 50.120.920 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Sổ nhật ký chung

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Số 445 ngõ 50 gác 50/5 Lạc
Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ -
Hà Nội

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐ Ư | Số tiền | |
|-----------------|-----------|-----------|---|----------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 9/9 | PX00 3 | 9/9 | Đơn hàng số 36 cho Chi nhánh Công ty TNHH Dầu Nờn Chevron Việt Nam - tại Hà Nội | 632 | 50.120.920 | |
| | | | | 154 | | 50.120.920 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 19/1 0 | PX00 5 | 19/1 0 | Đơn hàng số 42 cho công ty dịch vụ mobifone khu vực 6 - chi nhánh tổng công ty viễn thông mobifone | 632 | 26.350.000 | |
| | | | | 156 | | 26.350.000 |
| ... | | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Cộng phát sinh | | 19.371.644.590 | 19.371.644.590 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Sổ cái tài khoản 632

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Mẫu số S03b-DNN

Số 445 ngõ 50 gác 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội (Ban hành theo quyết định 48/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

| Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|---------------|------------|---|----------------|-----------------------|-----------------------|
| SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PX003 | 9/9 | Bán hàng cho Chi nhánh Công ty TNHH Dầu Nhòn Chevron Việt Nam - tại Hà Nội | 156 | 50.120.920 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PX005 | 19/10 | Bán hàng cho Côngđịch vụ mobifone khu vực 6 - chi nhánh tổng công ty viễn thông mobifone g ty | 156 | 26.350.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| PKT09/ 003 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | | 10.301.642.083 |
| | | Cộng số phát sinh | | 10.301.642.083 | 10.301.642.083 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Số liệu kế toán Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội năm 2016)

2.2.5: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối năm kế toán xác định kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

- *Chứng từ sử dụng:* Phiếu kế toán
- *Tài khoản sử dụng:* 911: Xác định kết quả kinh doanh
 821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- *Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh*

Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2016:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 11.108.102.836
- Doanh thu tài chính : 209.998
- Giá vốn hàng bán : 10.301.642.083
- Chi phí tài chính : 194.650.530
- Chi phí quản lý kinh doanh : 587.714.741
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = (11.108.102.836 - 10.301.642.083) = 806.460.753
- Lợi nhuận thuần của hoạt động kinh doanh:
 = (806.460.753+209.998- 194.650.530 - 587.714.741) = 33.305.480

- Chi phí khác: 42.761.111

=> Lợi nhuận trước thuế = 33.305.480 - 42.761.111 = (9.455.613)

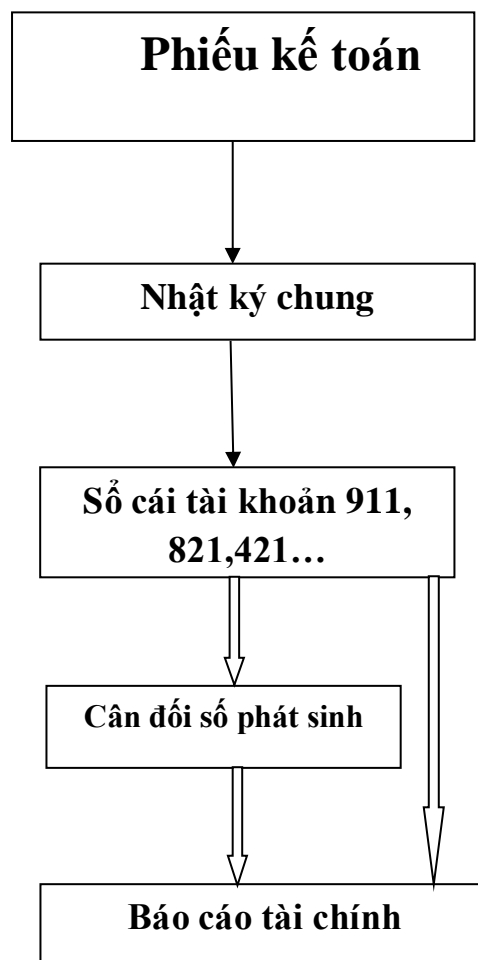
- Trong năm 2016 doanh nghiệp đạt lợi nhuận trước thuế là: (9.455.613)

⇒ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp = (9.455.613) x 20% = (1.891.123)

⇒ Lợi nhuận sau thuế = (9.455.613) - (1.891.123) = (7.564.490)

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 31,32,33,34,35,38.

Sơ đồ 2.7: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Ví dụ minh họa

Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2016

Biểu số 2.19 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|-------------------------------|------|-----|-----------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển doanh thu bán hàng | 511 | 911 | 11.108.102.836 |
| | Cộng | | | 11.108.102.836 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 32

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|--|------|-----|----------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 209.998 |
| | Cộng | | | 209.998 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 33

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|-----------------------------|------|-----|-----------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 10.301.642.083 |
| | Cộng | | | 10.301.642.083 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22 : Trích phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 34

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|-------------------------------|------|-----|--------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển Chi phí tài chính. | 911 | 635 | 194.650.530 |
| | Cộng | | | 194.650.530 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)
)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23 : Trích phiếu kế toán

Đơn vi: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 35

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|---|------|-----|--------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển Chi phí Quản lý Doanh nghiệp | 911 | 642 | 578.714.741 |
| | Cộng | | | 578.714.741 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 38

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|---------------|------|-----|--------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Kết chuyển lỗ | 421 | 911 | 469.149.438 |
| | Cộng | | | 469.149.438 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25 : Trích sổ Nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân,

P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|--------------|----------|-------|-----------------------------|------------------|----------------|----------------|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT 31 | 31/12 | Kết chuyển DTBH | 511 | 11.108.102.836 | |
| | | | | 911 | | 11.108.102.836 |
| 31/12 | PKT 32 | 31/12 | Kết chuyển DT HĐTC | 515 | 209.998 | |
| | | | | 911 | | 209.998 |
| 31/12 | PKT 33 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 10.301.642.083 | |
| | | | | 632 | | 10.301.642.083 |
| 31/12 | PKT 34 | 31/12 | Kết chuyển CPTC | 911 | 194.650.530 | |
| | | | | 635 | | 10.301.642.083 |
| 31/12 | PKT 35 | 31/12 | Kết chuyển CPQLDN | 911 | 578.714.741 | |
| | | | | 642 | | 578.714.741 |
| 31/12 | PKT 38 | 31/12 | Kết chuyển lỗ | 421 | 469.149.438 | |
| | | | | 911 | | 469.149.438 |
| | | | Cộng phát sinh | | 19.371.644.590 | 19.371.644.590 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26: Trích sổ cái 911

Đơn vị: **Công ty CP Cyan Hà Nội**

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân,
P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định
Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-----------------|----------|-------|--|-------|----------------|----------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | <u>Số dư đầu kỳ</u> | | | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT 31 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu bán hàng | 511 | | 11.108.102.836 |
| 31/12 | PKT 32 | 31/12 | Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính | 515 | | 209.998 |
| 31/12 | PKT 33 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | 10.301.642.083 | |
| 31/12 | PKT 34 | 31/12 | Kết chuyển CPTC | 635 | 194.650.530 | |
| 31/12 | PKT 35 | 31/12 | Kết chuyển CPQLKD | 642 | 578.714.741 | |
| 31/12 | PKT 38 | 31/12 | Kết chuyển lỗ | 421 | | 469.149.438 |
| | | | Cộng phát sinh | | 11.577.462.272 | 11.577.462.272 |
| | | | <u>Số dư cuối kỳ</u> | | | |

Biểu số 2.27: Sổ cái TK421

CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI

Số 445 ngõ 50 gác 50/5 Lạc Long Quân, P.Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội

Mẫu số S03b - DNN

Ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Trưởng BTC

SỔ CÁI : 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Từ tháng : 1 - 12 Năm : 2016

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Tài khoản Đôi ứng | Số tiền | |
|-------------|---------------|----------------|---------------------------------|---------------|-----|-------------------------|--------------------|--------------------|
| | Số | Ngày, tháng | | Trang | STT | | Nợ | Có |
| B | C | D | E | F | G | H | 1 | 2 |
| | | | <i>Số dư đầu năm</i> | | | | 523,204,034 | |
| 31/01/2016 | K/C_LL/01_001 | 31/01/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 1 | 6 | 156 | 911 | 72,711,738 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 1 | | | | 72,711,738 | 0 |
| 29/02/2016 | K/C_LL/02_001 | 29/02/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 2 | 10 | 269 | 911 | 72,790,111 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 2 | | | | 72,790,111 | 0 |
| 31/03/2016 | K/C_LL/03_001 | 31/03/2016 | Kết chuyển lãi HĐKD - Tháng : 3 | 14 | 390 | 911 | | 12,303,999 |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 3 | | | | 0 | 12,303,999 |
| 30/04/2016 | K/C_LL/04_001 | 30/04/2016 | Kết chuyển lãi HĐKD - Tháng : 4 | 19 | 528 | 911 | | 42,714,207 |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 4 | | | | 0 | 42,714,207 |
| 31/05/2016 | K/C_LL/05_001 | 31/05/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 5 | 24 | 662 | 911 | 161,616,135 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 5 | | | | 161,616,135 | 0 |
| 30/06/2016 | K/C_LL/06_001 | 30/06/2016 | Kết chuyển lãi HĐKD - Tháng : 6 | 29 | 817 | 911 | | 77,915,518 |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 6 | | | | 0 | 77,915,518 |
| 31/07/2016 | K/C_LL/07_001 | 31/07/2016 | Kết chuyển lãi HĐKD - Tháng : 7 | 34 | 952 | 911 | | 257,311,081 |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 7 | | | | 0 | 257,311,081 |

| | | | | | | | | |
|------------|---------------|------------|----------------------------------|----|------|-----|--------------------|--------------------|
| 31/08/2016 | K/C_LL/08_001 | 31/08/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 8 | 38 | 1071 | 911 | 73,369,259 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 8 | | | | 73,369,259 | 0 |
| 30/09/2016 | K/C_LL/09_001 | 30/09/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 9 | 43 | 1221 | 911 | | 69,449,002 |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 9 | | | | 0 | 69,449,002 |
| 31/10/2016 | K/C_LL/10_001 | 31/10/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 10 | 48 | 1354 | 911 | 27,559,065 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 10 | | | | 27,559,065 | 0 |
| 30/11/2016 | K/C_LL/11_001 | 30/11/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 11 | 52 | 1487 | 911 | 35,828,176 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 11 | | | | 35,828,176 | 0 |
| 31/12/2016 | K/C_LL/12_001 | 31/12/2016 | Kết chuyển lỗ HĐKD - Tháng : 12 | 60 | 1708 | 911 | 25,274,954 | |
| | | | Cộng phát sinh tháng : 12 | | | | 25,274,954 | 0 |
| | | | Tổng phát sinh trong kỳ | | | | 469,149,438 | 459,693,807 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | 532,659,665 | |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ...tháng ...năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng VN

| HẠNG MỤC | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | IV.08 | 11.108.102.836 | 10.986.711.141 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02) | 10 | | 11.108.102.836 | 10.986.711.141 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 10.301.642.083 | 10.260.449.844 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11) | 20 | | 806.460.753 | 726.261.297 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 209.998 | 298.162 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 194.650.530 | 84.287.355 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 194.650.530 | 84.287.355 |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | | 578.714.741 | 619.546.703 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24} | 30 | | 33.305.480 | 22.725.401 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 0 | 0 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 42.761.111 | 1.739.592 |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32) | 40 | | (42.761.111) | (1.739.592) |

| | | | | |
|--|-----------|-------|--------------------|-------------------|
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | IV.09 | (9.455.613) | 20.985.872 |
| 14. Chi phí thuế TNDN | 51 | | (9.455.613) | 20.985.872 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 0 | 0 |

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

3.1.1. Ưu điểm của công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội, em đã có cơ hội học tập cũng như hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp, so sánh và đối chiếu giữa những kiến thức đã học được tại trường với thực tế trong doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của doanh nghiệp có những ưu điểm sau:

- Về tổ chức bộ máy kế toán:
 - Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, thuận lợi cho việc quản lý, giám sát, theo dõi tình hình, tránh tình trạng thất lạc các chứng từ cũng như sai sót trong quá trình công tác kế toán.
 - Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên tạo thuận lợi cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu với các bộ phận có liên quan một cách chính xác. Giúp cho việc lập báo cáo tài chính được thuận lợi, cũng như công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.
- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh.
- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán, công ty mở các loại sổ sách theo hình thức Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ cái, ...). Việc áp dụng hình thức nhật ký chung giúp công ty đơn giản hóa được công việc kế toán, từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện phân công công việc, theo dõi, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các loại sổ sách.
- Về việc kế toán các khoản doanh thu, chi phí tại công ty đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời, cuối kỳ tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

Ngoài những ưu điểm kể trên vẫn còn một số những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về hệ thống sổ sách kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: kế toán chỉ sử dụng sổ cái TK 511 và sổ cái TK 632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho việc theo dõi các khoản doanh thu, chi phí. Điều này làm cho chủ doanh nghiệp không nắm bắt được tình hình tiêu thụ các loại mặt hàng một cách cụ thể, chi tiết.

- Về việc ứng dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán: công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán hàng ngày mà chỉ sử dụng công cụ tính toán trên bảng tính Excel. Việc tính toán như vậy đã lỗi thời, dẫn đến việc đối chiếu giữa các số liệu trở nên rườm rà và phức tạp, hiệu suất làm việc trở nên chậm chạp.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

3.2.1. Giải pháp 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ tạo động lực cho khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời hạn tránh tình trạng nguồn vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng lớn và khó đòi.

Mức chiết khấu thanh toán của công ty có thể được xây dựng dựa theo các chiến lược cũng như tình hình thực tế tại công ty, doanh nghiệp cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

Khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán, căn cứ vào phiếu chi

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131: Nếu bù trừ luôn vào khoản phải thu

Có TK 111, 112: Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính Căn cứ vào tình hình của công ty, em xin đề xuất mức tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

- Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 20 ngày: 0.6%
- Khách hàng thanh toán trước thời hạn trên 30 ngày: 1%

Ví dụ: Ngày 8/09/2016 In quảng cáo cho công ty TNHH D.O.G với tổng giá thanh toán là 160.000.000 đồng. Hạn thanh toán là 8/11/2016. Do khách hàng thanh toán sớm 30 ngày nên được hưởng chiết khấu thanh toán 1%, công ty viết phiếu chi cho khoản chiết khấu thanh toán.

ĐK: Nợ TK 635: $160.000.000 \times 1\% = 1.600.000$

Có TK 111: 1.600.000

Biểu số 3.1: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty Cổ phần Cyan

Hà Nội

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 445 ngõ 50 gác 5/5 Lạc
Long Quân, P. Xuân La -Tây Hồ- Hà
Nội

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 8 tháng 09 năm 2016

Số: 189

Nợ TK635: 1.600.000

Có TK 111: 1.600.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Hải Anh

Địa chỉ: Công ty TNHH D.O.G

Lý do chi: chiết khấu thanh toán

Số tiền: 1.600.000đ

Viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng/.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Ngày 8 tháng 09 năm 2016

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người lập

Người nhận

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ
tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm nghìn đồng/.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

3.2.2. Giải pháp 2: Doanh nghiệp nên hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam như KTVN, FAST,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp nhất. Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra những báo cáo chính xác, nhanh chóng, thuận tiện cho công tác quản trị của ban giám đốc.

Sau đây em xin giới thiệu qua về một số phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

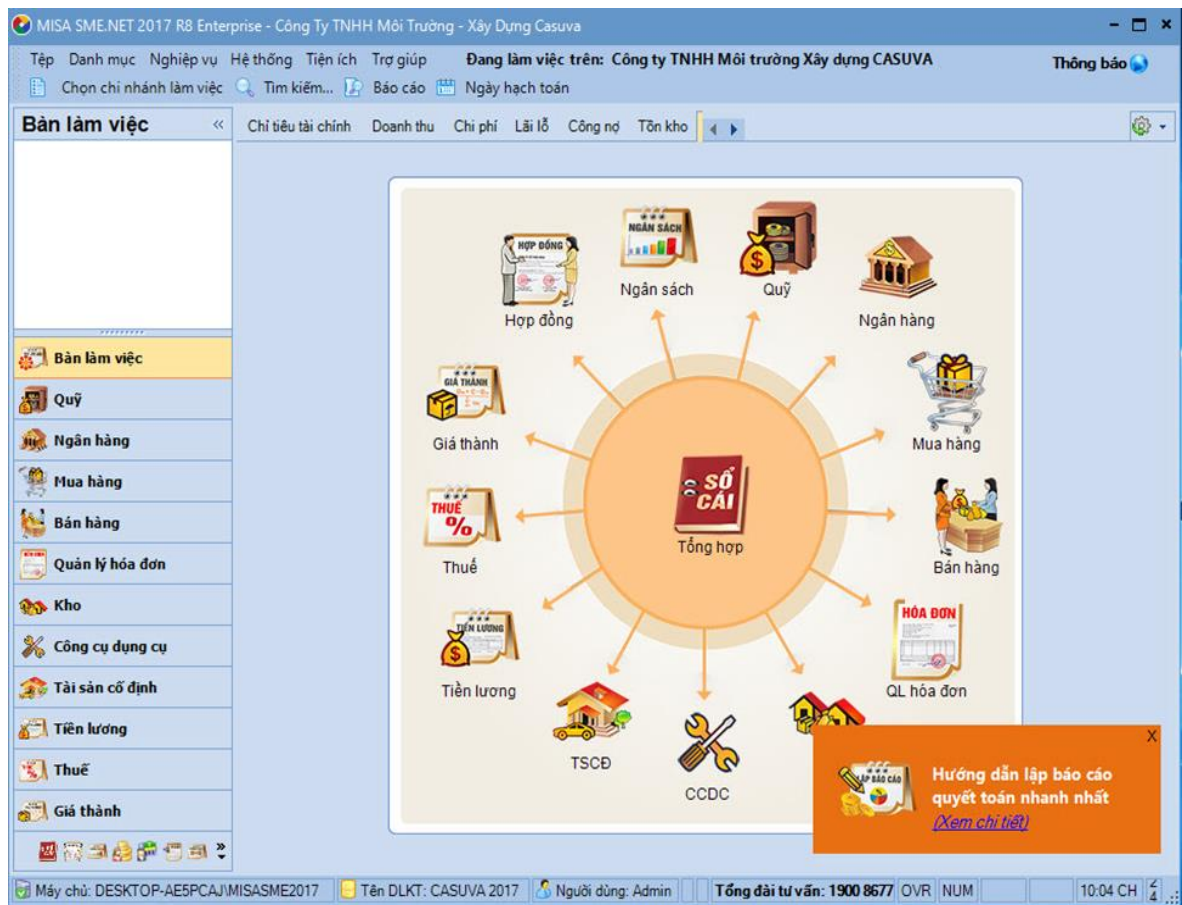
❖ Phần mềm kế toán MISA

MISA SME.NET 2017 đang là phiên bản mới nhất của phần mềm kế toán MISA là phần mềm kế toán thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học mà vẫn có thể quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Ưu điểm là dễ dàng sử dụng, cập nhật liên tục các chế độ kế toán mới nhất, độ chính xác cao, khả năng bảo mật gần như tuyệt đối, có đầy đủ nghiệp vụ kế toán đặc thù cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất. Đặc biệt ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.

Nhược điểm là vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm. Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu. Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017



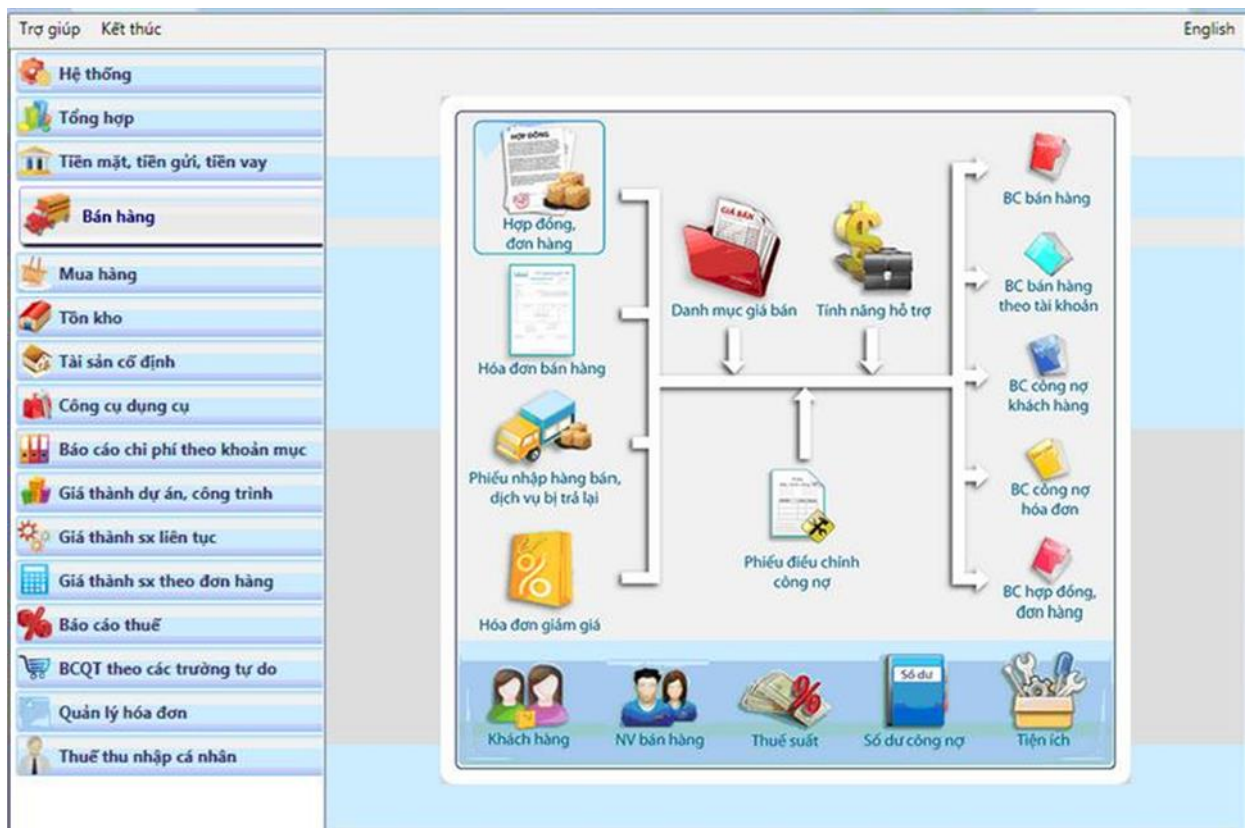
❖ **Phần mềm kế toán Fast Accouting**

Phần mềm kế toán Fast Accouting là phần mềm kế toán dành cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn.

Ưu điểm: giao diện thân thiện, tốc độ xử lý nhanh, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất ra Exel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm: Tính bbaro mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể). Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data

Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



3.2.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại công ty

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên khi hạch toán kế toán công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống kế toán tại công ty Cổ phần Cyan Hà Nội, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để dễ theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu. như vậy ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác hơn.

Đối với kế toán doanh thu công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng đơn đặt hàng. Như vậy, công ty sẽ nắm được tình hình của các đơn hàng. Bên cạnh việc lập sổ chi tiết bán hàng công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK 511 xem số liệu có

chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại và chặt chẽ hơn.

Ví dụ : Ngày 16/8/2016, Công ty in quảng cáo cho công ty TNHH D.O.G, với tổng giá trị trên hợp đồng là 160.000.000. Công ty chưa được thanh toán số tiền trên. Trị giá vốn : 120.000.000

► Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000025 (Biểu số 2.2), kế toán phản ánh doanh thu của doanh nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.3)

Đối với kế toán Chi phí: Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản 632,642,... Như vậy thì không theo dõi được chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý, Công ty nên mở “ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi chí.

► Căn cứ vào PKT 12 (biểu số 3.2), kế toán tiến hành ghi chép bút toán của nghiệp vụ trên vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.4)

Biểu số 3.2 : Trích phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty CP Cyan Hà Nội

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 12

| STT | Diễn giải | TKĐƯ | | Số tiền |
|-----|---|------|-----|--------------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | Giá vốn in bạt quảng cáo cho công ty TNHH D.O.G | 632 | 154 | 120.000.000 |
| | Cộng | | | 120.000.000 |

Kèm theo 0 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội
Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P.
Xuân La -Tây Hồ- Hà Nội

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Bạt quảng cáo

Ngày: 16/08/2016

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|-------------------|-----------|------------|------------------------------------|------|-----------|-----------|-------------|--------------------|------|
| | Số liệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác |
| 16/08 | HĐ0000025 | 16/08 | In bạt quảng cáo cho công ty D.O.G | 131 | 100 | 1.600.000 | 160.000.000 | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | | 160.000.000 | | |
| | | | - Doanh thu thuần | | | | 160.000.000 | | |
| | | | - Giá vốn hàng bán | | | | 120.000.000 | | |
| | | | - Lãi gộp | | | | 40.000 | | |

Ngày 16 tháng 08 năm 2016

Người ghi sổ
(Kí , họ tên)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội
Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long Quân, P. Xuân
La -Tây Hồ- Hà Nội

Mẫu số S18-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tài khoản: 632
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ: Bạt quảng cáo
- Năm:2016

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Ghi Nợ TK 632 | | |
|-------------------|----------|-------|------------------------------------|------|---------------|----------|-----------|
| | Số hiệu | Ngày | | | Tổng số tiền | Số lượng | Đơn giá |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | |
| 16/08 | PKT 12 | 16/08 | In bạt quảng cáo cho công ty D.O.G | 154 | 120.000.0000 | 100 | 1.200.000 |
| | | | Cộng Phát sinh trong kỳ | | | | |
| | | | Ghi Có TK 632 | 911 | | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.3. Giải pháp 4. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ tra ra trách nhiệm của từng người, từng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.5: Phiếu giao nhận chứng từ

CÔNG TY CỔ PHẦN CYAN HÀ NỘI
 Số 445 ngõ 50 ngách 50/5 Lạc Long
 Quân, P. Xuân La -Tây Hồ- Hà Nội

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng... năm

| Ngày, tháng | Loại chứng từ | Ngày tháng chứng từ | Số tiền trên chứng từ | Ký tên | |
|-------------|---------------|---------------------|-----------------------|----------|----------|
| | | | | Bên giao | Bên nhận |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

3.2.4. Giải pháp 5: Cập nhật hệ thống các sổ sách và chứng từ.

Để thực hiện và tuân thủ đúng các chính sách của nhà nước công ty cần nhanh chóng cập nhật các chính sách kế toán mới nhất. Cụ thể, đó là hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ tài chính từ quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 được thay thế bởi thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 có hiệu lực từ ngày 1/1/2017.

Trong đó có những thay đổi cơ bản sau:

- Những tài khoản được bổ sung thêm:

TK 128 – Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

TK 136 – Phải thu nội bộ

TK 151 – Hàng mua đang đi đường

TK 228 – Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

TK 336 – Phải trả nội bộ

- *Những tài khoản bị xóa bỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC :*

TK 142 – trả trước ngắn hạn

TK 159 – Các khoản dự phòng

TK 171 - Giao dịch mua bán lại trái phiếu của Chính phủ

TK 221 – Đầu tư tài chính dài hạn

TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

TK 311 – Vay ngắn hạn

TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

TK 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

TK ngoài bảng: 001, 002, 003, 004, 007.

- Doanh nghiệp có thể mở thêm các tài khoản cấp 2 và cấp 3 đối với những tài khoản không có quy định tại danh mục.

Một số mẫu sổ sách theo thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
Bộ Tài chính)

PHIẾU THU

Ngày.... tháng.... năm....

Quyên số:.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ:

Lý do nộp:

Số tiền: (Viết bằng chữ):.....

.....

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày.... tháng.... năm....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

**Người nộp
tiền**
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày.... tháng.... năm....

Quyển số:.....

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền: (Viết bằng chữ):.....

.....

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày.... tháng.... năm....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
 Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm...

Đơn vị tính:.....

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi Sổ Cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|--------------------|----------|-------------|----------------------------|---------------|----------|--------------------|--------------|----|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang sau | x | x | x | | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Năm...

Tên tài khoản

Số hiệu.....

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|--------------------------|------------|---------------|---|---------------|-------------|--------------------------|---------|----|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang số | STT dòng | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | - Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng | | | | | |
| | | | - Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý | | | | | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
**Người đại diện theo pháp
luật**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại được phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh cũng như công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng mọi mối quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội” em đã trình bày và làm rõ một số vấn đề sau:

- **Về mặt lý luận:**

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Quyết định 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính.

- **Về mặt thực tiễn:**

- Phản ánh thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội

- Đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

- Đề xuất được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, cũng như những ý kiến từ phía thầy, cô nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn ThS. Đồng Thị Nga, các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các anh chị tại phòng kế toán Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133 (2016), Bộ tài chính
2. Quyết định số 48 (2006), Bộ tài chính
3. Ngô Thế Chi & Trương Thị Thủy (2013), Giáo trình kế toán tài chính, nhà xuất bản tài chính
4. Công ty Cổ phần Cyan Hà Nội : Tài liệu, sổ sách kế toán (2016)